

Báo cáo thường niên
Annual report
2010





Nội dung chính

1. Thư ngỏ Chủ tịch HĐQT	4
2. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi	7
3. Giới thiệu công ty	8
4. Lịch sử hoạt động của công ty	10
5. Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty	18
6. Báo cáo của Ban Giám đốc	24
7. Báo cáo tài chính	32
8. Các công ty có liên quan	64
9. Tổ chức và nhân sự	66
10. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty	76
11. Trách nhiệm với cộng đồng xã hội	82



Thư ngỏ Chủ tịch HĐQT



Ông **Phạm Minh Phúc**
Chủ tịch HĐQT

Kính thưa quý cổ đông, quý nhà đầu tư cùng các đối tác chiến lược!

Thay mặt cho Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần CAVICO Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (CavicoCMS), tôi xin gửi tới quý vị cùng gia đình lời chào trân trọng nhất, lời chúc sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Năm 2010, cũng như những doanh nghiệp khác, Công ty CavicoCMS gặp rất nhiều khó khăn bắt nguồn từ khách quan. Sau những biến động của cuộc khủng hoảng tài chính và kinh tế toàn cầu năm 2009, bước sang năm 2010, kinh tế châu Á vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi, dẫn đến diễn biến phức tạp của kinh tế Việt Nam, với sự biến động tăng liên tục của giá cả, đặc biệt là giá nguyên liệu, chi phí tài chính, chi phí nhân công,... Những yếu tố này ảnh hưởng xấu tới tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Những nỗ lực kiểm chế, kiểm soát lạm phát và thắt chặt tín dụng của Chính phủ là rất đáng ghi nhận, song cũng dẫn đến việc thu xếp vay vốn của các chủ đầu tư cũng như của Công ty gặp rất nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến tiến trình thanh toán và thu hồi vốn ở các dự án xây lắp.

Với những khó khăn thử thách như vậy, CavicoCMS vẫn vững vàng tiến bước và đạt được một số thành công nhất định trong năm 2010. Công tác cung ứng nhân lực nước ngoài dù gặp khó khăn do việc điều chỉnh tiến độ từ Chủ đầu tư (ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính), nhưng với nỗ lực của cán bộ công nhân viên dự án Algeria, công ty đã đảm bảo và duy trì số lao động thường xuyên của dự án là 320 người. Năm 2010, Công ty triển khai hai dự án trong nước là dự án gia cố đường hầm bằng tải nhà máy xi măng Nghi Sơn với giá trị hợp đồng 7 tỷ đồng (vượt tiến độ và kết thúc thi công tháng 9/2010), và dự án Thủy điện Sông Bạc với giá

trị hợp đồng 192,5 tỷ đồng (đã thực hiện 20% kế hoạch).

Năm 2010 công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh ở tất cả các chỉ tiêu: Doanh thu 122%, lợi nhuận 123%, đảm bảo chia cổ tức 50% theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Công ty đã được cấp chứng nhận hệ thống QLCL chuẩn ISO 9001-2008. Công ty cũng tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ lên 25 tỷ đồng và niêm yết thành công 2,5 triệu cổ phiếu trên HNX vào ngày 29/11/2010 với mã chứng khoán CMS. Công tác an toàn vệ sinh lao động toàn công ty được đảm bảo, không xảy ra tai nạn lao động nghiêm trọng; đời sống cán bộ công nhân viên được đảm bảo về mọi mặt, tạo nên không khí làm việc tích cực trong Công ty. Việc Công ty được nhận bằng khen của Cavico Việt Nam dành cho Công ty có kết quả sản xuất kinh doanh tốt nhất và hoàn thành nghĩa vụ với NSNN đã minh chứng cho một năm hoạt động SXKD đạt nhiều kết quả ấn tượng.

Với những thành tựu khả quan trong năm 2010, bước sang năm 2011, CavicoCMS tiếp tục đà phát triển với những định hướng chính: chuyển đổi dần từ mô hình sản xuất trực tiếp sang vai trò nhà thầu chính, tổng thầu giao lại một phần việc cho các đơn vị trực thuộc 100% vốn thực hiện tìm kiếm các hợp đồng xây lắp tiềm năng tốt, tạo cơ hội đào tạo nâng cao tay nghề cho lao động phục vụ cho hoạt động cung ứng lao động nước ngoài; củng cố bộ máy nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao, thành lập các hội đồng cố vấn cao cấp gồm các chuyên gia kinh nghiệm trong nhiều lĩnh vực: đầu tư, tài chính, pháp lý v.v.. và không ngừng nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp; Hình thành và phát triển hệ thống quản lý Công ty theo mô hình Công ty mẹ - con, quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hóa kết hợp với việc xây dựng một

tập thể nhân viên năng động, sáng tạo và bản lĩnh, xây dựng văn hóa doanh nghiệp đặc sắc mang dấu ấn Cavico, thể hiện bản sắc của một thương hiệu Việt, mang giá trị trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam.

Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011, CavicoCMS tập trung các nhiệm vụ chính: hoàn thành các dự án trong nước như Sông Bung 4, Sông Bạc; tiếp tục duy trì và tìm kiếm hợp đồng cho các dự án cung ứng nhân lực ngoài nước; mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại tới các đối tượng khách hàng lớn như các tập đoàn Than và Khoáng sản, Dầu khí, Điện lực; thành lập và đưa vào hoạt động Công ty CavicoCMS Thăng Long để tăng cường năng lực sản xuất và đa dạng ngành nghề, v.v...

Nhằm vượt qua các thách thức và hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ đề ra trên đây, Công ty CavicoCMS mong muốn nhận được sự ủng hộ và cam kết gắn bó lâu dài của quý cổ đông, các đối tác và toàn thể CBCNV Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin kêu gọi toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty tăng cường hợp tác, đoàn kết, nâng cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, cùng nhau xây dựng CavicoCMS ngày càng vững mạnh.

Thay mặt toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, tôi xin cảm ơn các nhà cổ đông, các nhà đầu tư, đối tác chiến lược đã, đang và sẽ tiếp tục ủng hộ, tin tưởng CavicoCMS trong suốt thời gian qua.

Trân trọng cảm ơn!

Chủ tịch HĐQT

PHẠM MINH PHÚC

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi



Ông **KIM NGỌC NHÂN**
Phó chủ tịch HĐQT
Giám đốc



Tầm nhìn

Phát triển thành Nhà thầu, nhà đầu tư uy tín và chuyên nghiệp.

Sứ mệnh

Sẵn sàng đảm nhận thực hiện các hạng mục công trình xây dựng với yêu cầu khắt khe nhất của khách hàng.

Tối đa hóa lợi nhuận cho công ty để đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, trách nhiệm cùng xã hội đào tạo, nâng cấp tay nghề cho công nhân, tạo công ăn việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, góp phần xóa đói giảm nghèo tại các địa phương nơi công ty có dự án.

Giá trị cốt lõi

Lấy chất lượng dịch vụ là nền tảng niềm tin của khách hàng là giá trị cốt lõi.

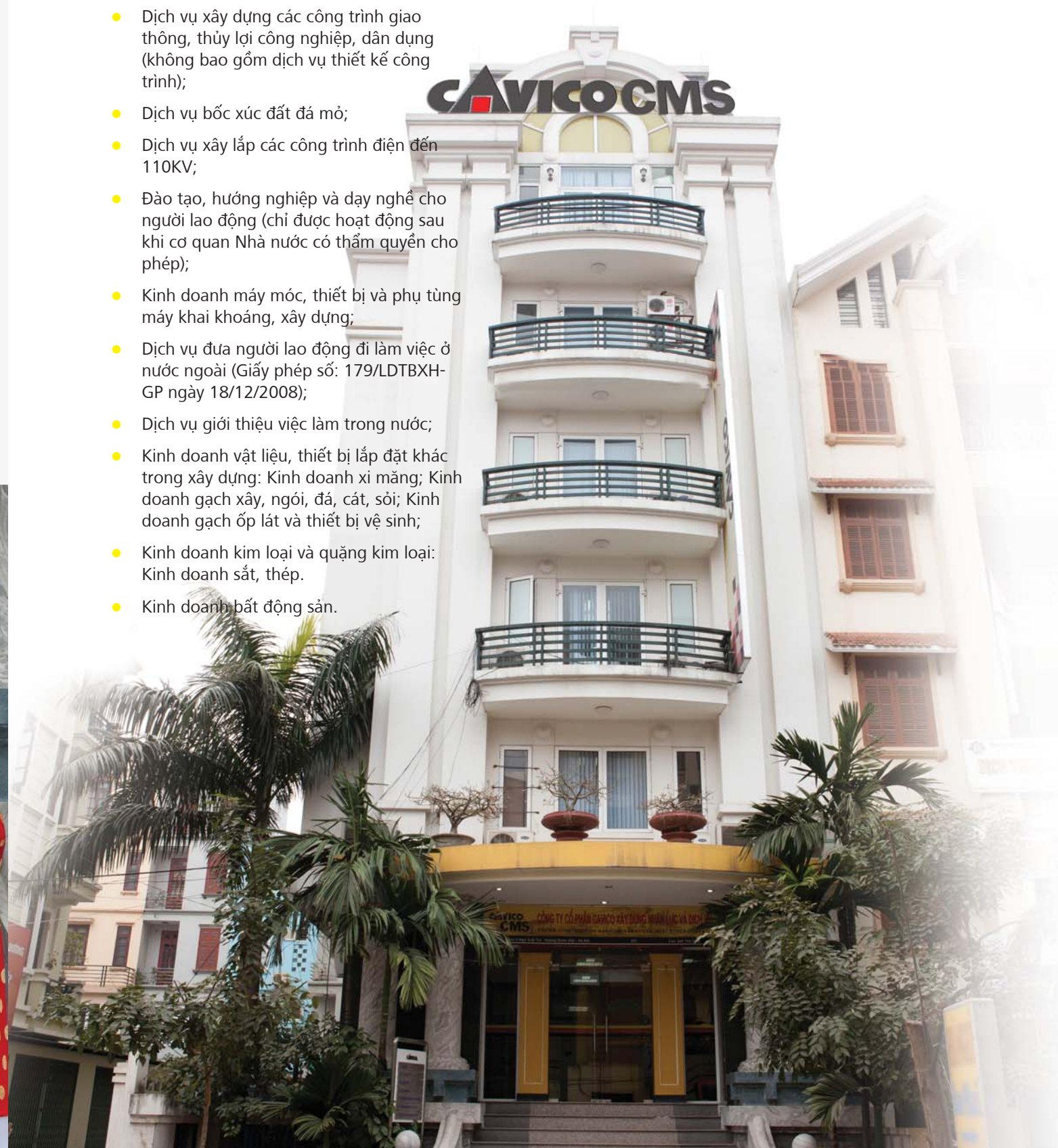
Giới thiệu công ty

- Tên công ty : Công ty cổ phần CAVICO xây dựng nhân lực và Dịch vụ
- Tên giao dịch : CAVICO Construction Manpower and Services Joint Stock Company
- Tên viết tắt: : CavicoCMS.,JSC
- Trụ sở chính : Số 5, khu A, TT Bảo sinh viên, Ngõ Tuổi Trẻ, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.
- Điện thoại : (84-4) 62690742
- Fax : (84-4) 62690741
- Email : info@cavicocms.com
- Website: : www.cavicocms.com
- Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng)
- Mệnh giá: : 10.000 đồng/CP
- Nơi niêm yết : HNX
- Ngày niêm yết:29/11/2010
- Số lượng niêm yết :2.500.000 cổ phiếu



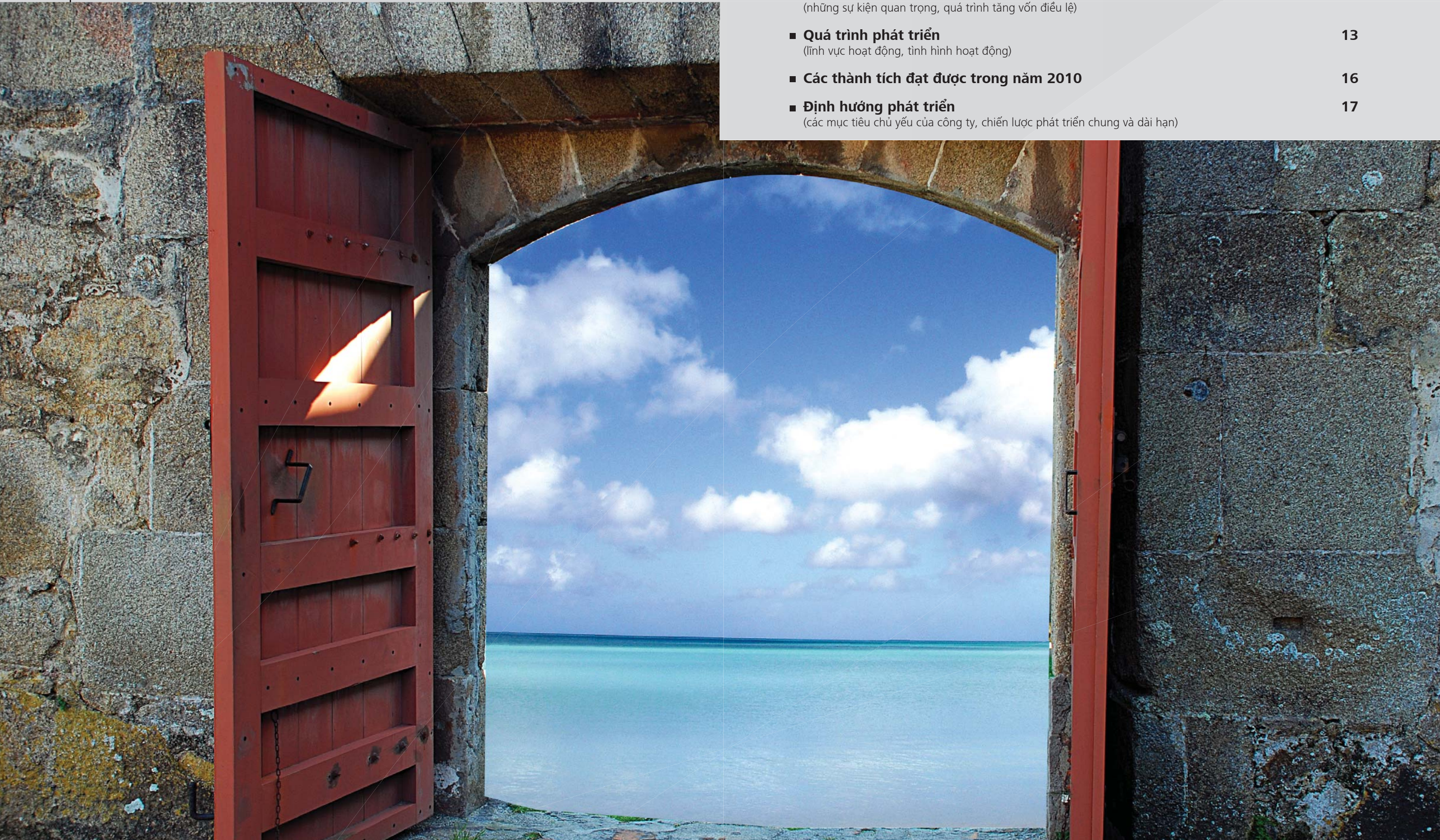
Ngành nghề kinh doanh:

- Dịch vụ xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi công nghiệp, dân dụng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV;
- Đào tạo, hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài (Giấy phép số: 179/LDTBXH-GP ngày 18/12/2008);
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;
- Kinh doanh vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh xi măng; Kinh doanh gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Kinh doanh gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh kim loại và quặng kim loại: Kinh doanh sắt, thép.
- Kinh doanh bất động sản.



Lịch sử hoạt động của công ty

■ Những sự kiện quan trọng	12
(những sự kiện quan trọng, quá trình tăng vốn điều lệ)	
■ Quá trình phát triển	13
(lĩnh vực hoạt động, tình hình hoạt động)	
■ Các thành tích đạt được trong năm 2010	16
■ Định hướng phát triển	17
(các mục tiêu chủ yếu của công ty, chiến lược phát triển chung và dài hạn)	





Những sự kiện quan trọng

2007 Công ty cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (CavicoCMS) được thành lập ngày 02 tháng 07 năm 2007 tiền thân là Công ty cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực, được góp vốn bởi các cổ đông sáng lập bao gồm: Công ty cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm, các công ty thành viên trong hệ thống Cavico và các cổ đông là thể nhân với mức vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng.

2008 CavicoCMS đã được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy phép đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 179/GP-BLĐTB&XH ngày 18/12/2008. Công ty đã trở thành một trong 150 doanh nghiệp được hoạt động trong ngành xuất khẩu lao động. Hoàn thiện mô hình nhà thầu nhân công chuyên nghiệp đầu tiên ở Việt Nam với đối tác Nhật Bản

2009 Công ty đã bắt đầu triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đã được đánh giá cấp chứng nhận bởi BSI Việt Nam công nhận cấp chứng chỉ vào tháng 3 năm 2010.

2010 Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), ngày 29/11/2010 cổ phiếu của Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ đã chính thức chào sàn với mã chứng khoán: CMS. Tổng số cổ phiếu phát hành là 2.500.000 cổ phiếu tương đương với giá trị là 25.000.000.000 đồng. Công ty được giao là nhà thầu chính của dự án xây lắp có quy mô lớn - Dự án thủy điện Sông Bạc.

Quá trình tăng vốn điều lệ

Thời gian	Mức tăng vốn (Tỷ đồng)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Hình thức tăng
02/07/2007		6.00	
03/2009	4.00	10.00	Phát hành cho cổ đông hiện hữu
08/2010	15.00	25.00	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, cán bộ quản lý, đối tác chiến lược

Quá trình phát triển

Lĩnh vực hoạt động

Cung ứng và quản lý nguồn nhân lực

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng nhân lực và dịch vụ được Bộ lao động thương binh và xã hội cấp phép hoạt động đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài số 179/BLĐTBXH-GP ngày 18/12/2008. Công ty cung ứng lao động theo các hình thức sau:

- Cung ứng lao động theo mô hình tự quản lý, điều hành cho các dự án xây dựng hạ tầng, dân dụng như cầu, đường, hầm, nhà xưởng;

- Cung cấp lao động theo hình thức cung ứng nhân lực truyền thống như lao động xây lắp, giúp việc, nhân viên cho ngành du lịch, khách sạn.

Trong mô hình cung ứng lao động theo hình thức tự quản lý và điều hành, Công ty Cavico CMS sẽ chủ động đàm phán ký kết hợp đồng cung ứng với đối tác và chủ động điều động bố trí lao động phù hợp. Nhờ đó, đối tác sử dụng lao động sẽ được đảm bảo về số lượng, chất lượng lao động cũng như công tác quản lý điều hành. Mô hình này đang được Công ty triển khai rất thành công ở Algeria và đang chuẩn bị phát triển cho các thị trường, Malaysia và một số nước khối Ả Rập.

Dự án này đã được đối tác, người lao động và các cơ quan quản lý lao động đánh giá cao về mô hình và quy mô tổ chức. Dự án cũng vinh

dự được đón tiếp Nguyên phó Chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình và Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Việt Nam tại Algeria đến thăm.

Với việc tham gia vào chương trình đẩy mạnh cung ứng nhân lực cho 61 huyện nghèo trên cả nước theo Quyết định số 71/2009/QĐ-TT ngày 29/04/2009 của Thủ tướng Chính Phủ, Công ty là một trong 07 doanh nghiệp được Bộ lao động thương binh và xã hội lựa chọn để tham gia thí điểm chương trình này trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Vị thế của Công ty trong ngành

Hiện tại, ở Việt Nam có khoảng 150 đơn vị được cấp phép cung ứng nhân lực, trong đó có một số đơn vị hoạt động khá hiệu quả như: Simco, Vinaconex và Constrexim. Các đơn vị này thực hiện tuyển dụng, đào tạo và đưa người đi lao động nước ngoài theo cách truyền thống. Công ty cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ là đơn vị mới đi vào hoạt động nhưng là đơn vị đầu tiên đưa người đi lao động nước ngoài thông qua hình thức đầu thầu cung cấp nhân lực cho dự án tại nước ngoài. Đây là hình thức rất mới và là hướng phát triển trong tương lai do ưu điểm trong việc đảm bảo việc làm và mức lương cho người lao động, chủ động phòng ngừa được các rủi ro về mặt thị trường và pháp lý như các hình thức cung ứng nhân lực truyền thống.

Thi công xây lắp công trình

Công ty cổ phần Cavico CMS đã mạnh dạn đầu tư công nghệ thiết bị từ các hãng nổi tiếng trên thế giới như: Koren Boring Machine để tham gia vào lĩnh vực thi công xây lắp các hạng mục xây dựng cơ bản và dân dụng như khoan, phụt gia cố nền móng các đập thủy điện, hầm dẫn nước, nhà cao tầng và thi công các công trình cầu giao thông.

Công ty cũng tham gia vào hoạt động thi công xây lắp các công trình hạ tầng, đặc biệt là các hạng mục trong giai đoạn đầu triển khai các dự án thủy điện. Thông qua Cavico Việt Nam, CavicoCMS đã phát triển quan hệ hợp tác chặt chẽ với các nhà thầu nước ngoài như Kajima Corporation, Koken, Obayashi (Nhật Bản), DooSan (Hàn Quốc)...cùng hợp tác phát triển trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình hạ tầng. Hiện nay, Công ty đang triển khai thi công cầu, đường của một số các dự án như Sông Bung 4, Sông Tranh 2. Trong tháng 4/2010, Công ty đã ký hợp đồng xây lắp hạng mục: thi công hạng mục tuyến năng lượng Nhà máy thủy điện Sông Bạc công suất 42MW tại huyện Quang Bình tỉnh Hà Giang. Công ty đã được chủ đầu tư đánh giá cao tại các hạng mục thi công khoan và phụt gia cố hầm dẫn nước dự án Thủy điện Bảo Lộc, Buôn Kuốp,... cầu Sông Bung, cửa nhận nước Thủy điện Sông Tranh...



Một số dự án Công ty đã triển khai:

Dự án Buôn Kuốp:

- Nội dung công việc: Khoan và phụt gia cố 7 km đường hầm dẫn nước nhà máy thủy điện Buôn Kuốp.
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), Ban quản lý dự án thủy điện 5.
- Giá trị hợp đồng: 13 tỷ đồng
- Thời hạn hợp đồng: 02 năm

Dự án Bảo Lộc:

- Nội dung công việc: Khoan và phụt gia cố 1,5 km đường hầm dẫn nước Nhà máy thủy điện Bảo Lộc
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Cao su Việt Nam (VRG)
- Giá trị hợp đồng: 1,3 tỷ đồng
- Thời hạn hợp đồng: 03 tháng

Dự án Sông Tranh:

- Nội dung công việc: Gia cố mái hố móng cửa nhận nước nhà máy thủy điện Sông Tranh 2.
- Chủ đầu tư: Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Ban QLDA thủy điện 3
- Giá trị hợp đồng: 2,3 tỷ đồng
- Thời hạn hợp đồng: 01 năm

Một số dự án Công ty đang triển khai:

Dự án Cầu Sông Bung:

- Nội dung công việc: Xây dựng cầu vào khu tái định cư thủy điện Sông Bung 4
- Chủ đầu tư: Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), Ban QLDA thủy điện Sông Bung 4
- Giá trị hợp đồng: 13 tỷ đồng
- Thời hạn hợp đồng: 02 năm

Dự án thủy điện Sông Bạc:

- Nội dung công việc: Thi công tuyến năng lượng, nhà máy.
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần thủy điện Sông Bạc
- Giá trị hợp đồng: 192,5 tỷ đồng
- Thời hạn hợp đồng: 27 tháng

Dự án sửa chữa hầm Nghi Sơn

- Nội dung công việc: Dự án gia cố đường hầm vận chuyển đá - Nhà máy xi măng Nghi Sơn
- Chủ đầu tư: Công ty xi măng Nghi Sơn
- Giá trị hợp đồng: 17,565 tỷ đồng
- Thời hạn hợp đồng: 01 năm

Với đội ngũ cán bộ nhân viên có trình độ và kinh nghiệm, mặc dù mới thành lập được gần 3 năm, nhưng Công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể và đã dần khẳng định được vị trí của mình, được các đối tác trong và ngoài nước ghi nhận.

Vị thế của Công ty trong ngành

Là một thành viên của Cavico Việt Nam, CavicoCMS được thừa hưởng rất nhiều từ giá trị thương hiệu của Cavico Việt Nam, một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình xây dựng cơ bản, đường, cầu, hầm, các nhà máy điện. HDQT, Ban giám đốc Công ty là những người có trình độ, năng lực; đã tham gia các hoạt động xây lắp các dự án lớn của Cavico Việt Nam.

Hiện nay, Công ty là một công ty hàng đầu về lĩnh vực khoan phụt, gia cố bê tông hầm và thi công tuyến năng lượng, các đường hầm dẫn nước vừa và nhỏ trong hệ thống CAVICO. Các dự án Công ty đã thực hiện như: Khoan phụt, gia cố đường hầm thủy điện Buôn Kuốp, thủy điện Sông Tranh, thủy điện Đồng Nai 3, Thủy điện Sông Bạc...được Chủ đầu tư đánh giá cao.

Dịch vụ thương mại

Với lợi thế dựa trên mối quan hệ với các nhà sản xuất lớn, CAVICO CMS có đầy đủ khả năng cung cấp, cho thuê các thiết bị chuyên dụng: cầu, máy khoan, máy đào, máy nén khí, phát điện cấp pha phục vụ cho các hạng mục thi công xây lắp cầu, hầm, gia cố nền móng. Ngoài ra công ty cũng có khả năng cung cấp các loại vật liệu khác như xi măng, sắt thép và các phụ gia xây dựng khác

Tình hình hoạt động

Trong quá trình hoạt động, để phát huy hơn nữa lợi thế chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân lực có tay nghề cao, điều phối nguồn lao động trong và ngoài nước, củng cố thế mạnh về tài chính do hiệu quả của hoạt động cung ứng nhân lực trọn gói mang lại, CavicoCMS đã mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh xây lắp các dự án trong nước. Ban đầu là các dự án thi công cầu (cầu Sông Bung), các dự án khoan phụt, gia cố chuyên ngành thủy điện (hầm thủy điện Bảo Lộc, Sông Tranh 2, Đasiat, Buôn Kuop...) và tiến tới là Tổng thầu xây lắp các dự án thủy điện vừa và nhỏ (Sông Bạc). Bên cạnh đó, Công ty còn tiếp tục phát huy lợi thế khi đảm nhận việc đào tạo và cung cấp đội ngũ thợ có tay nghề để vận hành nhà máy sản xuất đá siêu mịn và nhà máy đá ốp lát tại Nghệ An cho Công ty cổ phần Cavico Khoáng sản và Công nghiệp đảm nhận việc khai thác, cấp nguyên liệu đá trắng tại mỏ đá Thung Xán huyện Quỳnh Hợp tỉnh Nghệ An.

Sau hơn ba năm hoạt động, CavicoCMS đã xây dựng được đội ngũ cán bộ quản lý có kinh nghiệm, chuyên môn, năng lực điều hành và đội ngũ kỹ thuật viên, thợ vận hành lành nghề. Cán bộ và công nhân của Công ty đã tham gia thi công các hạng mục xây dựng công trình, vận hành dây chuyền thi công hầm không

nổ mìn toàn tiết diện TBM (Tunnel Boring Machine) - Đây là công nghệ tiên tiến nhất trên thế giới và duy nhất tại Việt Nam tính đến thời điểm hiện nay với nhà thầu chính Kajima, Kumagai của Nhật Bản ở dự án thủy điện Đại Ninh. Hiện nay, CavicoCMS là một trong những đơn vị duy nhất có mô hình xuất khẩu lao động tay nghề cao ra nước ngoài được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội công nhận.

Được sự tin tưởng của các đối tác nước ngoài, đặc biệt là Nhà thầu Cojaal của Nhật Bản đã giao cho Công ty quản lý, điều hành hơn 500 kỹ thuật viên, thợ vận hành và công nhân thi công 4km đường hầm giao thông tại nước Cộng hòa Algeria. Công ty cũng đang tiếp tục đàm phán thêm hợp đồng cung cấp nhân lực giai đoạn 2 cho Nhà thầu Cojaal khoảng 350 người từ năm 2011 -2012. Đồng thời Công ty cũng đưa gần 100 nhân công đang thi công các hạng mục giao thông tại nước Cộng hòa Lybia.

Năm 2010, doanh thu Công ty Cổ phần Cavico xây dựng nhân lực và dịch vụ đạt được 145,301 tỷ đồng bằng 132,2% năm 2009. Lợi nhuận sau thuế là 9.714 triệu đồng tăng 157%.



Các thành tích đạt được năm 2010

- Bằng khen của BCH Liên đoàn lao động Thành phố Hà Nội cho Công đoàn công ty vì có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2010
- Bằng khen **"Đơn vị văn hóa"** tiêu biểu trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2006-2009 do Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tặng
- Bằng khen **"công ty dẫn đầu về nghĩa vụ nộp thuế Nhà nước năm 2010"** do hội đồng thành viên Cavico Việt Nam tặng
- Bằng khen **"Công ty dẫn đầu về hiệu quả kinh doanh năm 2010"** do hội đồng thành viên Cavico Việt Nam tặng
- Bằng khen cho lãnh đạo công ty:
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ tặng ông Phạm Minh Phúc chủ tịch HĐQT công ty CavicoCMS đã có thành tích trong thực hiện cuộc vận động **"Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"** từ năm 2007 - 2010
- Bằng khen **"Thành tích xuất sắc trong 4 năm thực hiện công cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"** do BCH Đảng bộ thành phố Hà Nội tặng ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch HĐQT công ty.
- Bằng khen **"Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2010"** do BCH tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng ông Kim Ngọc Nhân - Giám đốc công ty.



Định hướng phát triển

Chiến lược trung và dài hạn:

- Trong giai đoạn trung và dài hạn nhu cầu phát triển hạ tầng của Việt Nam và một số nước lân cận vẫn là rất lớn. Trong đó nhu cầu xây dựng về hệ thống hạ tầng giao thông; các cơ sở năng lượng vẫn sẽ là những mục tiêu lớn. Vì vậy CavicoCMS vẫn xác định trọng tâm chiến lược trong giai đoạn trung dài hạn là phát triển thành nhà thầu uy tín, nắm vững các công nghệ xây dựng tiên tiến, duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh ở Việt Nam và quốc tế.

- Bên cạnh đó CavicoCMS cũng sẽ mở rộng ngành nghề kinh doanh thêm một số lĩnh vực hỗ trợ cho hoạt động xây dựng chính như đầu tư sản xuất vật liệu xây dựng, bất động sản và thương mại.

Trong giai đoạn ngắn hạn:

- CavicoCMS sẽ tập trung phát triển dịch vụ cung ứng lao động nhằm nâng cao tay nghề lao động, chuyển giao công nghệ tại các dự án có tính chất quốc tế trong và ngoài nước.

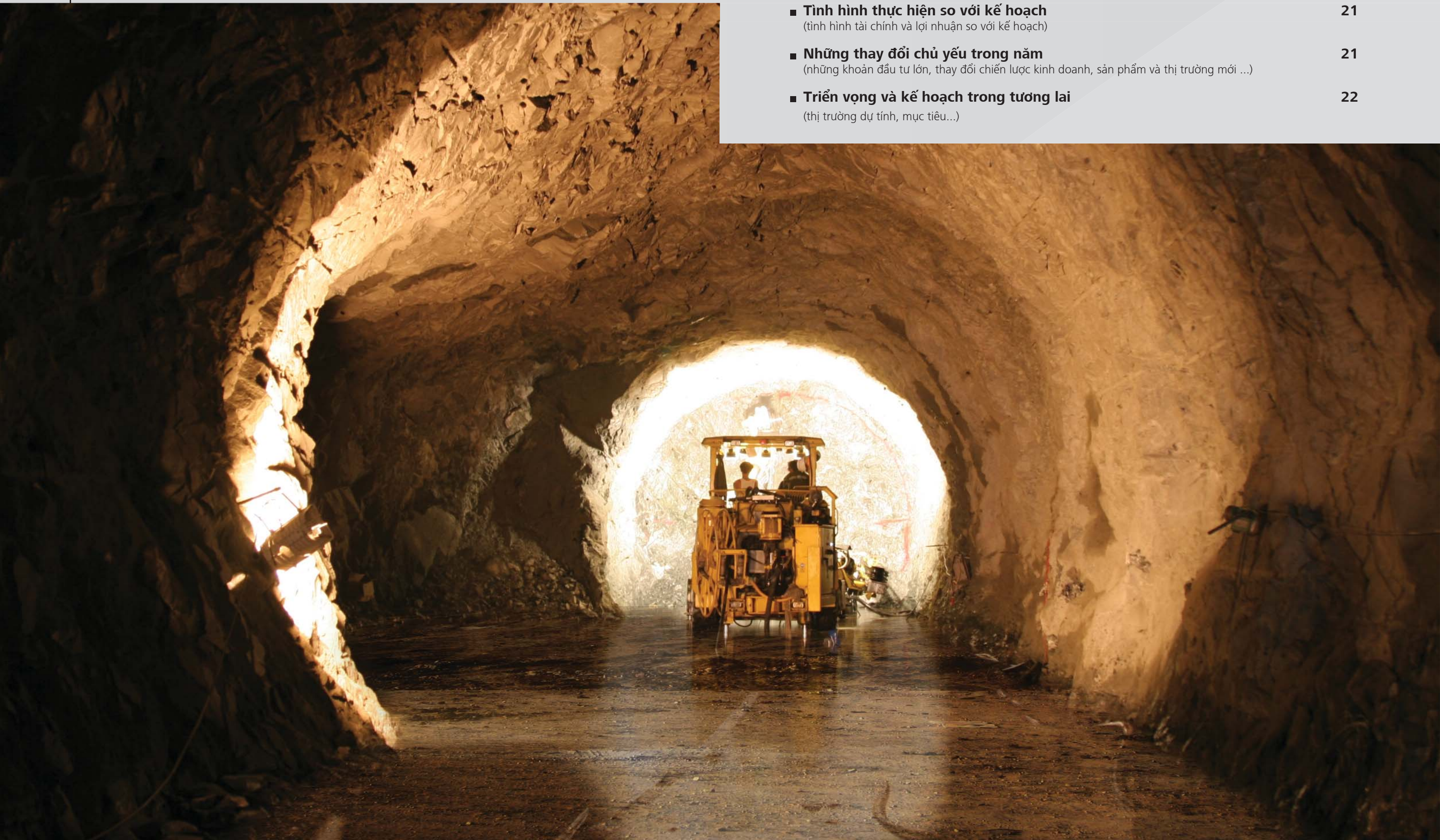
- Duy trì và phát triển mạng lưới khách hàng là các nhà thầu xây lắp lớn từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Malaysia... phục vụ cho mục tiêu phát triển thành nhà thầu nhân lực uy tín.

- Dựa trên ưu thế và nguồn tài chính ổn định, CavicoCMS sẽ tập trung vào các dự án xây lắp trong nước có quy mô lớn hơn để nâng cao thương hiệu và vị thế của CavicoCMS trên thị trường quốc tế

Chỉ tiêu	Năm 2011	
	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm 2010
Vốn điều lệ	50.000	200%
Vốn chủ sở hữu	62.186	190%
Doanh thu thuần	167.978	116%
Lợi nhuận trước thuế	18.232	142%
Lợi nhuận sau thuế	13.674	141%
Cổ tức	30%	60%

Báo cáo của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty

■ Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2010...)	20
■ Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)	21
■ Những thay đổi chủ yếu trong năm (những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới ...)	21
■ Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)	22





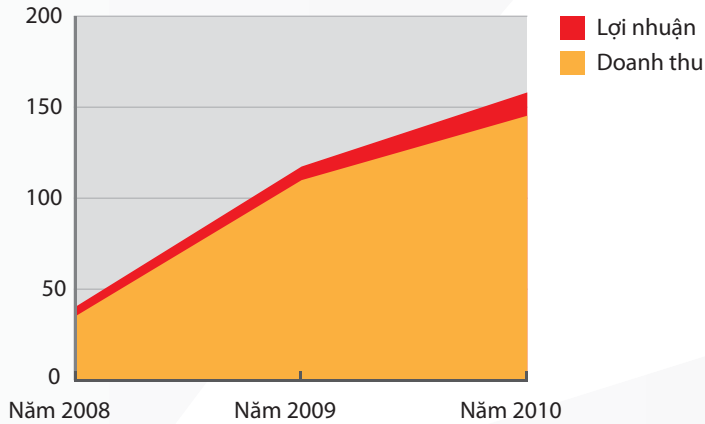
Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm
(lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm cuối năm 2010)

Chỉ tiêu	Năm 2009 (triệu đồng)	Năm 2010 (triệu đồng)	So sánh (%)
Doanh thu từ hoạt động SXKD	109.890	145.301	132,2%
Lợi nhuận từ HĐKD	7.312	12.564	172%
Lợi nhuận khác	169	238	140%
Lợi nhuận trước thuế	7.481	12.802	171%
Thuế TNDN hiện hành	1.295	3.088	238%
Lợi nhuận sau thuế	6.186	9.714	157%

Phân tích một số chỉ tiêu chủ yếu:

Trong năm 2010, hoạt động kinh doanh tăng so với năm 2009 nhờ ký hợp đồng cung cấp nhân lực với đối tác Nhật Bản, doanh thu đã đạt 145.301 tỷ đồng, tăng 132,2% so với năm 2009.

Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng đạt 172% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế cũng tăng 157% do nguồn lợi từ những công trình đang xây dựng và dự án hầm tại Algeria, đạt xấp xỉ 10 tỷ đồng.



Tình hình thực hiện so với kế hoạch
(tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ
Giá trị sản lượng	121.700.710.000	151.797.909.756	125%
Doanh thu	119.266.695.800	145.301.816.000	122%
Lợi nhuận trước thuế	10.410.201.000	12.802.885.994	123%

Phân tích một số chỉ tiêu:

Giá trị sản lượng công ty đạt 151.797 triệu đồng đạt 125% so với kế hoạch năm. Doanh thu công ty CavicoCMS cũng đạt vượt chỉ tiêu là gần 26 tỷ

đồng tương đương tăng 122% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế cũng tăng 123% so với kế hoạch năm, xấp xỉ đạt 13 tỷ đồng.

Những thay đổi chủ yếu trong năm
(những khoản đầu tư lớn, thay đổi chiến lược kinh doanh, sản phẩm và thị trường mới...)

Nửa cuối năm 2010 nền kinh tế thế giới đã có những dấu hiệu phục hồi sau những biến động của cuộc khủng hoảng tài chính và kinh tế toàn cầu năm 2009, nhưng ở mức độ phục hồi giữa các khu vực là không đồng đều.

Năm 2010 nền kinh tế khu vực Châu Á chưa có dấu hiệu phục hồi, kinh tế Việt Nam vẫn diễn biến phức tạp giữa đầu năm và cuối năm 2010: giá cả liên tục biến động tăng; giá nguyên liệu đầu vào, chi phí tài chính, nhân công bị đẩy lên cao. Đây là những yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình SXKD của Công ty.

Việc kim chế, kiểm soát lạm phát và thắt chặt tín dụng dẫn đến việc thu xếp vay vốn của Chủ đầu tư cũng

như của Công ty gặp rất nhiều khó khăn ảnh hưởng đến tiến trình thanh toán và thu hồi vốn ở các dự án xây lắp.

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2010, Công ty đã tăng vốn thành công vốn điều lệ từ 10 tỷ lên 25 tỷ đồng và chính thức niêm yết 2,5 triệu cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) vào ngày 29/11/2010 với mã chứng khoán CMS. Việc Công ty được nhận bằng khen của Cavico Việt Nam dành cho Công ty có kết quả sản xuất kinh doanh tốt nhất và hoàn thành nghĩa vụ với NSNN đã minh chứng cho một năm hoạt động SXKD đạt nhiều kết quả ấn tượng.



Triển vọng và kế hoạch trong tương lai (thị trường dự tính, mục tiêu...)

Lĩnh vực xuất khẩu lao động:

Với sự phục hồi của nền kinh tế, nhu cầu lao động của thế giới có xu hướng gia tăng. Hiện tại, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội vẫn tập trung phát triển các thị trường truyền thống đã và đang sử dụng lao động Việt Nam với số lượng lớn như: Đài Loan, Malaysia, Trung Đông, Bắc Phi, Nhật Bản, Hàn Quốc. Đây là những thị trường luôn tiếp nhận lao động Việt Nam do yêu cầu không quá cao về tay nghề, ngoại ngữ. Công ty CavicoCMS có những kế hoạch về thị trường tương lai cụ thể sau:

Hàn Quốc trong những năm vừa qua là nước mà nhiều lao động Việt Nam mong muốn đến làm việc. Số lượng lao động Việt Nam được ký hợp đồng luôn đứng đầu trong danh sách các nước xuất khẩu lao động vào thị

trường này. Bên cạnh đó, Malaysia và các nước khối Ả Rập là thị trường mà Công ty đang tiến hành tiếp xúc, đàm phán với các Nhà thầu chính có khả năng thu hút phần lớn nguồn lao động của Việt Nam.

Lĩnh vực xây dựng có mối quan hệ thuận chiều với nền kinh tế thể hiện qua sự đầu tư lớn vào xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng công nghiệp, giao thông, thủy điện... Sau giai đoạn khủng hoảng, nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phục hồi, lĩnh vực xây dựng sẽ vẫn là một ngành có tiềm năng phát triển lớn. Đây là cơ hội để Công ty có thể ký được các hợp đồng xây lắp có giá trị lớn.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới.

Trong thời gian tới, Công ty cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ vẫn tiếp tục tập trung vào hoạt động cung ứng nhân lực. Với định hướng này, Công ty sẽ phát huy được kinh nghiệm và uy tín của mình trong lĩnh vực cung ứng nhân lực ngành xây dựng. Đồng thời, đây cũng là hướng

phát triển phù hợp với tình hình phát triển hiện nay ở trong nước và thế giới. Với việc tham gia đấu thầu cung ứng nhân lực cho các dự án tại nước ngoài, Công ty sẽ có nhiều cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh ở nhiều thị trường và giảm mức độ cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước. Mặt khác, thông qua các cơ hội hợp tác kinh doanh với đối tác nước ngoài, Công ty sẽ có thêm cơ hội học hỏi kỹ thuật và kinh nghiệm trong lĩnh vực cung cấp nhân lực và thi công xây lắp.

Báo cáo của Ban Giám đốc

■ Báo cáo tình hình tài chính	26
■ Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	29
■ Những tiến bộ công ty đã đạt được	30
■ Kế hoạch phát triển trong tương lai.	31





Báo cáo tình hình tài chính

a. Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2009	Năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,66	1,28
Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	1,36	0,84
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74,78	72,76
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	296,59	267,12
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	Vòng	13,52	6,31
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	%	193,16	121,56
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,63	6,69
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	43,12	29,84
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	10,87	8,13
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,65	8,65

b. Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh

- Các hệ số của doanh nghiệp Việt Nam cùng ngành hiện nay:

+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu: 5%
+ Thu nhập trên mỗi cổ phiếu: 4.000 đồng

- Như vậy hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành là tương đối tốt

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo

Tại thời điểm 31/12/2010 (mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần)

+ GTSS = Nguồn vốn, quỹ/ Số cổ phần đang lưu hành = 13.023 đồng

+ Cổ tức 50%/năm

c. Phân tích những biến động-những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động

+ Về công tác Cung ứng nhân lực nước ngoài:

Do việc điều chỉnh tiến độ từ Chủ đầu tư (ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính) nên số lượng lao động mới cho dự án nước ngoài chỉ tăng thêm 30 lao động/ 100 kế hoạch. Tuy nhiên với sự nỗ lực của cán bộ CNV dự án ALG, đa số lao động dự án khi hết hạn hợp đồng đều được thầu chính ký hợp đồng gia hạn thêm 12 tháng, duy trì số lao động thường xuyên của dự án tại thời điểm 31/12/2010 là 472 người.

+ Về các dự án xây lắp trong nước:

- Trong năm 2010, Công ty đã triển khai thực hiện 02 dự án trong nước là dự án gia cố đường hầm băng tải nhà máy xi măng Nghi Sơn giá trị hợp đồng 7 tỷ đồng và dự án Thủy điện Sông Bạc với giá trị hợp đồng 192,5 tỷ đồng. Trong đó thi công sửa chữa đường hầm nhà máy XM Nghi Sơn vượt tiến độ và kết thúc thi công tháng 9/2010, dự án thủy điện Sông Bạc đã thực hiện được 38 tỷ/192,5 tỷ (tính đến 31/12/2010)

- Các dự án cũ: Sông Tranh 2 và Sông Bung 4 cơ bản đã hoàn tất, riêng dự án Sông Bung 4 hiện chưa kết thúc toàn bộ dự án được do phát sinh thêm hạng mục tại đầu mố Mo mà chưa có dự toán và thiết kế, dự kiến kết thúc tháng 4/2011.

+ Công tác tìm kiếm hợp đồng mới: Công ty đang tiếp xúc và làm việc với nhiều đối tác nước ngoài để tìm các hợp đồng cung ứng nhân công mới như: Canada, Malaysia, Nhật Bản... và đã có những kết quả rất khả quan và có một số dự án sẽ được ký kết và triển khai vào giữa năm 2011. Đối với một số dự án xây lắp trong nước, Công ty cũng đã và đang tiếp xúc với các đối tác như Tập đoàn Than khoáng sản, Ban QLĐTĐ Trung Sơn, BQL Nhà máy xi măng Nghi Sơn... và phối hợp Cavico Việt Nam tìm kiếm các hợp đồng xây lắp mới.

+ Hoạt động đầu tư: Với tình hình kinh tế khó khăn nên năm 2010, Công ty không đầu tư ra bên ngoài mà chỉ tập trung vào mua sắm máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công cho các hợp đồng xây lắp mới ký kết.



Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây.

d. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

Năm 2010, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty. Đến tháng 8/2010 đã hoàn thành tăng vốn từ 10 tỷ đồng lên 25 tỷ đồng thông qua việc chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

Toàn bộ cổ phiếu của Công ty hiện là cổ phiếu thường.

f. Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...)

Công ty chưa phát hành trái phiếu.

g. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại

Lượng cổ phiếu công ty đang lưu hành là 2.500.000 Cổ phiếu phổ thông.

h. Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có)

Không có.

i. Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2009 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2010 (triệu đồng)	So sánh (%)
Tổng doanh thu	110.651	148.402	135%
Tổng giá vốn	92.055	120.978	130%
Chi phí bán hàng	3.007	4.742	157%
Chi phí QLDN	8.276	10.117	122%
Lợi nhuận từ HĐKD	7.312	12.564	172%
Lợi nhuận khác	169	238	140%
Lợi nhuận trước thuế	7.481	12.802	171%
Thuế TNDN hiện hành	1.295	3.088	238%
Lợi nhuận sau thuế	6.186	9.714	157%
Tổng giá trị tài sản cuối kỳ	56.891	119.534	210%
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	14.345	32.559	227%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ phần	61,86%	38,85%	63%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	5,6%	6,7%	119%
Thu nhập trên mỗi cổ phần (Đ/CP)	6.410	7.252	113%
Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	5.000	5.000	



Những tiến bộ công ty đã đạt được

a. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ kế hoạch sản xuất kinh năm, ban lãnh đạo công ty CavicoCMS đã có những chính sách về cải tổ cơ cấu và chính sách quản lý công ty.

Chính sách của công ty là lấy con người là trung tâm, CavicoCMS đã cải tiến chính sách lương bổng, phúc lợi hằng năm, hàng tháng cho CBCNV. Tính tới cuối năm 2010, toàn công ty có 472 người, số lao động được công ty tham gia bảo hiểm xã hội đạt 98%. Số lao động hết hợp đồng tại dự án Algeria khoảng hơn 100 người được Công ty lập danh sách sàng lọc các lao động có kỹ năng, trình độ làm nguồn cho các dự án mới.

Việc chăm lo đến đời sống vật chất tinh thần tới từng cán bộ, nhân viên và người lao động là một việc làm thường xuyên như: thăm hỏi động viên gia đình người lao động trong các trường hợp ma chay hiếu hỷ; trợ cấp khó khăn cho những trường hợp có con bị bệnh hiểm nghèo; phát động quỹ "Mái ấm công đoàn" giúp đỡ gia đình có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà sinh nhật cán bộ, nhân viên và công nhân... tạo nên một mái ấm "Ngôi nhà chung CavicoCMS"

Về bộ máy tổ chức: Công ty đã hoàn thiện bộ máy quản lý với việc bổ sung thêm 1 phó Giám đốc phụ trách tài chính. Để phù hợp với tình hình sản xuất thực tế. Công ty đã tiến hành giải thể Trung tâm thương mại và sáp nhập trung tâm cung ứng nhân lực vào phòng Hành chính Nhân sự.

b. Các biện pháp kiểm soát:

Ban lãnh đạo đã đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của các ban ngành và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, tuân thủ theo đúng pháp luật, triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và HĐQT. Ngoài ra, công ty còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai đồng thời việc chuẩn hoá các quy trình, quy chế quản trị; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi các quy trình quy chế này trong mọi mặt hoạt động của Công ty.

Hoạt động của Ban Kiểm soát, HĐQT của Công ty trong năm 2010 cũng được tăng cường nhằm phát huy vai trò quan trọng trong việc giám sát hoạt động của Công ty, kịp thời phát hiện và khắc phục các điểm yếu, tạo đà cho việc phát triển bền vững, đảm bảo cân đối hài hòa lợi ích của Công ty, của cổ đông và đối tác, bạn

hàng cũng như quyền lợi của người lao động.

Ban Lãnh đạo, cán bộ phụ trách các phòng ban, bộ phận trực thuộc đã tiến hành nghiêm túc việc kiểm tra định kỳ, đột xuất nên đã không để xảy ra thiệt hại về mặt vật chất, sai phạm trong công tác, hạn chế đến mức thấp nhất việc lãng phí, cũng như các rủi ro tác nghiệp.

Công ty Cổ phần CavicoCMS đã nghiên cứu quy chế quản trị công ty theo mẫu của UBCK, tham khảo các mô hình tổ chức và mô thức quản trị tiên tiến để xây dựng và cho áp dụng Quy chế quản trị nội bộ Công ty Cổ phần CavicoCMS để từng bước chuẩn hoá công tác quản lý, điều hành, hạn chế những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra kiểm soát.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với diễn biến phức tạp của tình hình chính trị, kinh tế thế giới ngay từ đầu năm 2011 như: tình hình khủng hoảng tài chính công tại một số nước châu Âu, tình trạng bất ổn chính trị đang lan rộng tại các nước Châu Phi; lạm phát ngày càng cao tại cường quốc kinh tế thứ 2 thế giới - Trung Quốc... làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến diễn biến kinh tế trong nước: giá cả không ngừng leo thang, giá vàng, giá đô la Mỹ liên tục tăng; tiếp theo là tăng giá điện, xăng dầu, gas, xi măng, sắt thép đẩy chỉ số lạm phát lên 2 con số... Bên cạnh đó, thị trường Chứng khoán trong nước suy giảm dẫn đến chuyển dịch cơ cấu đầu tư. Đây là những nguyên nhân, thách thức rất lớn đối với định hướng SXKD năm 2011 của Ban điều hành Công ty.

Với tình hình khó khăn trên, việc dự báo đúng tình hình và xây dựng các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động của năm 2011 là rất khó khăn. Tuy nhiên

với quan điểm cẩn trọng nhằm duy trì hoạt động có hiệu quả với sự kiểm soát rủi ro cao, ban lãnh đạo có một số định hướng về hoạt động SXKD năm 2011 như sau:

- Với mục tiêu là: thầu phụ nhân công cho các Nhà thầu Quốc tế đang thi công tại nước ngoài và cung cấp lao động cho các đối tác Nhà thầu Quốc tế thi công các dự án trọng điểm tại Việt Nam.

- Chuyển đổi mô hình từ quản lý trực tiếp điều hành sang gián tiếp, giao lại các hợp đồng cho các Công ty con có 100% vốn của CavicoCMS điều hành.

- Mở rộng tìm kiếm các hợp đồng xây lắp để đào tạo tay nghề cho lao động phục vụ cho hoạt động cung ứng lao động quốc tế.

- củng cố bộ máy nhân sự, đặc biệt là nhân sự cấp cao. Thành lập các hội đồng cố vấn cao cấp gồm các chuyên gia kinh nghiệm trong nhiều

lĩnh vực: đầu tư, tài chính, pháp lý v.v... và không ngừng nâng cao năng lực quản lý doanh nghiệp.

- Tích cực mở rộng hợp tác với các công ty có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên môn để học hỏi và nâng cao trình độ quản lý.

- Hình thành và phát triển hệ thống quản lý Công ty theo mô hình Công ty mẹ - con, quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hóa kết hợp với việc xây dựng một tập thể nhân viên năng động, sáng tạo và bản lĩnh, tiến tới xây dựng được một sức mạnh văn hóa doanh nghiệp đặc sắc mang dấu ấn Cavico, thể hiện bản sắc của một thương hiệu Việt, mang giá trị trí tuệ và bản lĩnh Việt Nam.

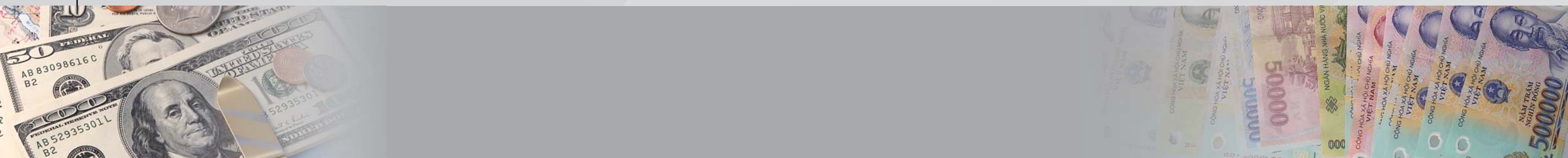


Báo cáo tài chính

▪ Báo cáo của Ban Giám đốc	34
▪ Báo cáo Kiểm toán Độc lập	36
▪ Bảng Cân đối kế toán	37
▪ Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	40
▪ Báo cáo Lưu chuyển Tiền Tệ	41
▪ Thuyết minh Báo cáo Tài chính	43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



1. Thông tin về Công ty

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (tên trước khi thay đổi là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 2 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh
Số 0103018225 ngày 24 tháng 4 năm 2009	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi trụ sở chính của Công ty
Số 0102307343 ngày 30 tháng 8 năm 2010	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 25 tỷ đồng và 6 tỷ đồng.

1.2 Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, tập thể báo sinh viên, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

1.3 Lĩnh vực hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Trong năm 2010, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây dựng và cung ứng nhân lực.

1.4 Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 472 nhân viên (2009: 550 nhân viên).

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

4. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	5 tháng 7 năm 2007	-
Ông Đặng Minh Toàn	Thành viên	5 tháng 7 năm 2007	-
Ông Kim Ngọc Nhân	Thành viên	5 tháng 7 năm 2007	-
Ông Nguyễn Văn Phi	Thành viên	29 tháng 10 năm 2008	6 tháng 3 năm 2010
Ông Nguyễn Đức Phong	Thành viên	29 tháng 10 năm 2008	-
Ông Chu Đình Thế	Thành viên	6 tháng 3 năm 2010	-

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Giám đốc	9 tháng 4 năm 2008	-
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Giám đốc	20 tháng 9 năm 2007	-
Ông Đào Ngọc Quế	Phó Giám đốc	8 tháng 12 năm 2007	-
Ông Đào Tiến Dương	Phó Giám đốc	15 tháng 1 năm 2010	-

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Kim Ngọc Nhân, Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng theo ý kiến của Ban Giám đốc bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc

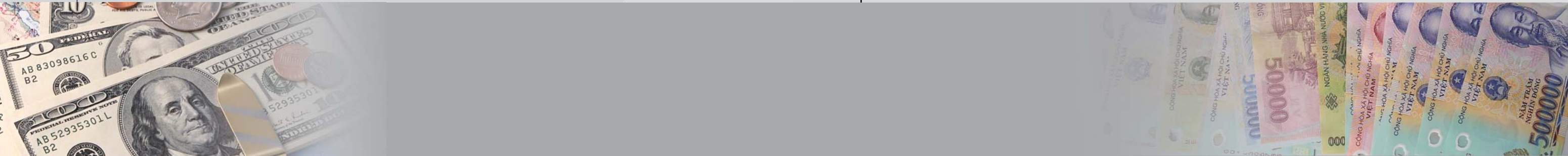

KIM NGỌC NHÂN
Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 10-01-055

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ**

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 5 đến trang 25. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Như được trình bày tại Thuyết minh 2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.


PHẠM THẾ HÙNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV

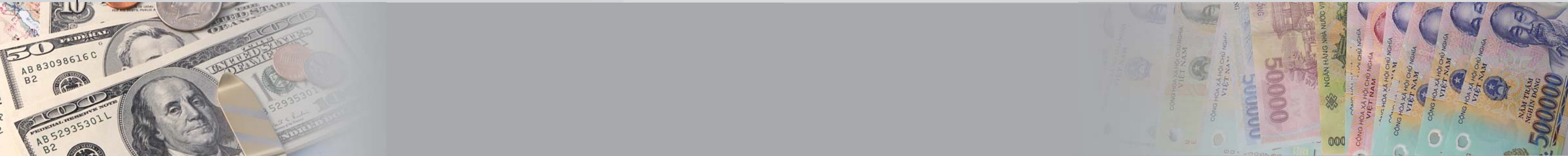
HÀ NỘI
Ngày 21 tháng 2 năm 2011


NGUYỄN TIẾN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
A. Tài sản ngắn hạn	100		87.938.350.246	45.393.760.532
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.695.141.494	6.551.159.812
1. Tiền	111	3	3.695.141.494	6.551.159.812
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4	19.730.560.868	2.950.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		19.730.560.868	2.950.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.918.466.978	22.771.417.790
1. Phải thu khách hàng	131		15.447.167.987	17.662.947.044
2. Trả trước cho người bán	132		2.036.590.152	318.452.938
5. Các khoản phải thu khác	135	5	10.434.708.839	4.790.017.808
IV. Hàng tồn kho	140	6	29.907.848.696	8.141.045.725
1. Hàng tồn kho	141		29.907.848.696	8.141.045.725
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.686.332.210	4.980.137.205
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	802.062.987	1.040.279.381
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	13	3.355.862.080	271.402.514
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	2.528.407.143	3.668.455.310

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
B. Tài sản dài hạn	200		31.596.585.451	11.497.526.436
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.995.402.608	1.190.995.681
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		3.995.402.608	1.190.995.681
II. Tài sản cố định	220		23.277.410.633	7.861.369.755
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	21.186.516.097	6.299.441.880
- Nguyên giá	222		26.674.666.888	8.130.339.661
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.488.150.791)	(1.830.897.781)
3. Tài sản cố định vô hình	227	10	40.687.494	9.395.833
- Nguyên giá	228		49.000.000	11.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.312.506)	(1.604.167)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	2.050.207.042	1.552.532.042
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.191.100.000	2.191.100.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	12	2.191.100.000	2.191.100.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.132.672.210	254.061.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	42.061.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	14	2.132.672.210	212.000.000
Tổng cộng tài sản	270		119.534.935.697	56.891.286.968

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
A. Nợ phải trả	300		86.974.982.063	42.546.153.810
I. Nợ ngắn hạn	310		68.710.060.193	27.402.367.243
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	26.614.318.142	8.974.134.557
2. Phải trả người bán	312		9.769.110.373	5.968.486.640
3. Người mua trả tiền trước	313		7.091.738.000	1.247.314.168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	4.671.795.437	2.945.340.860
5. Phải trả người lao động	315		8.785.683.563	4.615.953.528
6. Chi phí phải trả	316	16	8.608.121.496	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	15	3.067.335.818	3.415.699.570
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		101.957.364	235.437.920
II. Nợ dài hạn	330		18.264.921.870	15.143.786.567
3. Phải trả dài hạn khác	333		17.898.863.703	14.023.380.400
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	366.058.167	1.120.406.167
B. Vốn chủ sở hữu	400		32.559.953.634	14.345.133.158
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	32.559.953.634	14.345.133.158
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	10.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		391.905.047	391.905.047
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		267.078.768	267.078.768
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.900.969.819	3.686.149.343
Tổng cộng nguồn vốn	444		119.534.935.697	56.891.286.968

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
5. Ngoại tệ các loại (USD)		6.567,15	26.478

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 2 năm 2011

KIM NGOC NHAN
Giám đốc

ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2010	31.12.2009
1. Doanh thu	01	19	145.301.816.921	109.890.447.127
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		145.301.816.921	109.890.447.127
4. Giá vốn hàng bán	11		(120.073.262.195)	(91.924.784.519)
5. Lợi nhuận gộp	20		25.228.554.726	17.965.662.608
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	3.101.127.093	761.191.124
7. Chi phí tài chính	22	22	(905.479.727)	(131.004.883)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		(707.257.727)	(114.704.883)
8. Chi phí bán hàng	24	23	(4.742.047.837)	(3.007.622.349)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(10.117.388.188)	(8.276.037.504)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		12.564.766.067	7.312.188.996
11. Thu nhập khác	31	25	553.598.350	173.497.897
12. Chi phí khác	32	26	(315.478.423)	(3.936.783)
13. Lợi nhuận khác	40		238.119.927	169.561.114
14. Lợi nhuận trước thuế	50		12.802.885.994	7.481.750.110
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	13	(3.088.065.518)	(1.295.600.767)
17. Lợi nhuận sau thuế	60		9.714.820.476	6.186.149.343
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	6.410	7.252

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 21 tháng 2 năm 2011



KIM NGỌC NHÂN
Giám đốc

ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	2010	2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.802.885.994	7.481.750.110
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ	02	3.739.290.443	1.668.057.739
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(480.679.942)	(78.317.159)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.076.076.921)	(199.685.654)
Chi phí lãi vay	06	707.257.727	114.704.883
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.692.677.301	8.986.509.919
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(9.895.867.514)	(16.572.216.200)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(21.766.802.971)	(2.688.403.622)
Thay đổi các khoản phải trả	11	27.097.866.699	10.809.036.398
Thay đổi chi phí trả trước	12	238.216.394	(986.939.941)
Tiền lãi vay đã trả	13	(707.257.727)	(114.704.883)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.642.939.549)	(35.785.797)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.920.672.210)	(150.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.095.220.423	(752.504.126)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(19.157.401.999)	(6.229.636.093)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	108.756.318	7.300.000
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(26.721.707.338)	(10.210.000.000)
4. Thu hồi cho vay, bán công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.941.146.470	9.860.000.000
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.600.000.000)	(2.191.100.000)
6. Thu hồi vốn góp vào các đơn vị khác	26	1.600.000.000	-
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.011.452.281	196.322.437

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	2010	2009
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.817.754.268)	(8.567.113.656)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu vốn góp của chủ sở hữu	31	15.000.000.000	2.560.700.000
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	73.819.662.387	23.946.719.519
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(56.712.911.002)	(13.852.178.795)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	(6.500.000.000)	(4.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	25.606.751.385	8.655.240.724
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.115.782.460)	(664.377.058)
Tiền tồn đầu năm	60	6.551.159.812	7.137.219.711
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	259.764.142	78.317.159
Tiền tồn cuối năm	70	3.695.141.494	6.551.159.812

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 21 tháng 2 năm 2011

 KIM NGỌC NHÂN
Giám đốc


ĐINH THỊ THỦY
Kế toán trưởng

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (tên trước khi thay đổi là Công ty Cổ phần Cavico Cung ứng Nhân lực) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 2 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh	Nội dung điều chỉnh
Số 0103018225 ngày 24 tháng 4 năm 2009	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh, thay đổi trụ sở chính của Công ty
Số 0102307343 ngày 30 tháng 8 năm 2010	Tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh

Vốn điều lệ và vốn pháp định của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần lượt là 25 tỷ đồng và 6 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 5, khu A, tập thể báo sinh viên, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, huyện Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

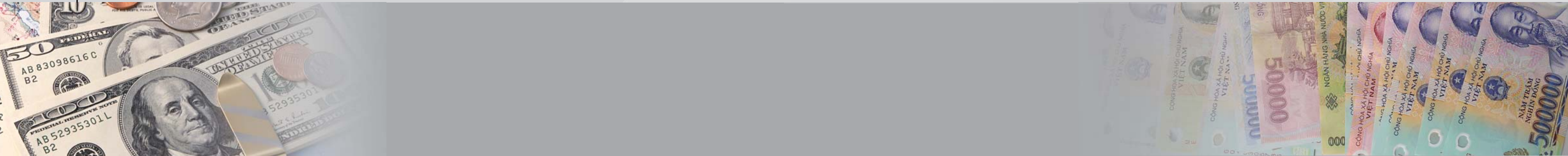
Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sau:

- Dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV;
- Đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động (chỉ được hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Kinh doanh máy móc thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng xây dựng;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước;
- Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

Trong năm 2010, hoạt động chủ yếu của Công ty là xây dựng và cung ứng Nhân lực.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp

dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt

Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ từng công trình} = \text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ từng công trình} + \text{Chi phí SXKD dở dang phát sinh trong kỳ từng công trình} - \text{Giá vốn ghi nhận trong kỳ của từng công trình}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn từng công trình} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí SXKD phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị sản lượng thực hiện dở dang đầu kỳ (không bao gồm thuế GTGT)} + \text{Giá trị sản lượng thực hiện trong kỳ (không bao gồm thuế GTGT)}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Tài sản	Số năm khấu hao
Máy móc và thiết bị	3 - 5
Phương tiện vận tải	3 - 5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



2.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - “Tài sản cố định vô hình”, ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư

161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời

điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 4 năm.

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.10. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn và chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn và kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

Chi phí đào tạo.

2.13. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng

một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

b) Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy chế tài chính đã được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2009 như sau:

Quỹ khen thưởng	5%
Quỹ phúc lợi	5%
Quỹ đầu tư phát triển	10%
Quỹ dự trữ tài chính	5%

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

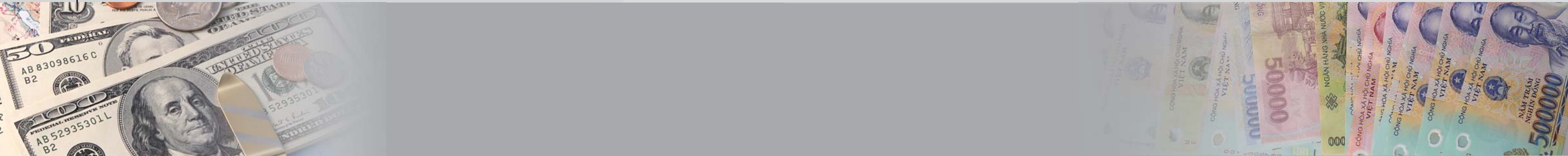
Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



2.17. Hợp đồng xây dựng

a) Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:

(i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng;

(ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:

(i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;

(ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);

(iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ

khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:

(i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.

(ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

(iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.19. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.20. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.21. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam,

được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.22. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. Tiền

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Tiền mặt	1.149.107.048	3.599.490.226
Tiền gửi ngân hàng	2.546.034.446	2.951.669.586
	3.695.141.494	6.551.159.812

4. Đầu tư ngắn hạn

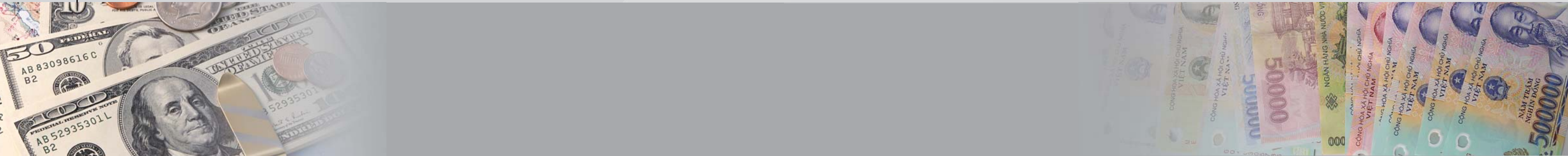
Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	17.275.538.506	-
Cho vay Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	1.404.022.362	2.950.000.000
Cho vay cá nhân khác	1.051.000.000	-
	19.730.560.868	2.950.000.000

5. Các khoản thu khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	-	78.714.139
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	6.218.905.922	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	3.946.507.084	-
Công ty Cổ phần Cavico Sơn La	-	407.735.108
Công ty Cổ phần Cavico Công nghiệp và Dịch vụ	-	53.164.028
Dự án Angieri	-	626.781.489
Lăng Việt Hùng	-	250.000.000
Khác	269.295.833	73.623.044
	10.434.708.839	4.790.017.808

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



6. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Thành phẩm	4.399.998	-
Hàng mua đang đi trên đường	98.395.500	585.825.775
Nguyên liệu, vật liệu	778.120.460	730.227.373
Công cụ, dụng cụ	1.066.569.975	1.073.448.154
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.960.362.763	5.751.544.423
	29.907.848.696	8.141.045.725

7. Phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng	Phân bổ	Số dư cuối năm
Công cụ, dụng cụ sản xuất	208.117.530	287.996.852	(400.305.140)	95.809.242
Chi phí thuê văn phòng	305.963.458	1.834.443.959	(1.568.767.565)	571.639.852
Chi phí sửa chữa	438.448.393	712.291.039	(1.016.125.539)	134.613.893
Phần mềm quản lý	87.750.000	-	(87.750.000)	-
	1.040.279.381	2.834.731.850	(3.072.948.244)	802.062.987

8. Tài sản ngắn hạn khác

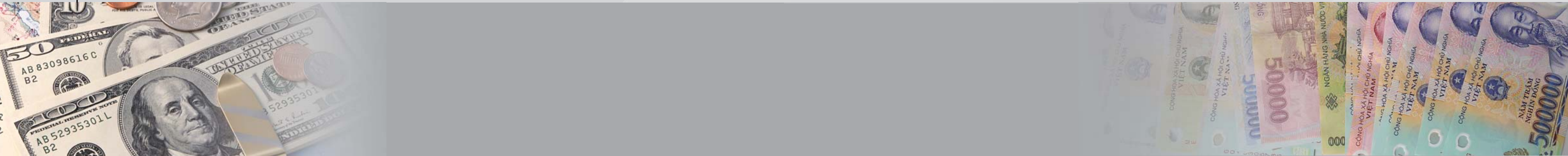
Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Tài sản thiếu chờ xử lý	5.000.000	-
Tạm ứng	2.142.252.695	1.386.654.490
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	381.154.448	2.281.800.820
	2.528.407.143	3.668.455.310

9. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	5.101.133.883	2.439.226.063	589.979.715	8.130.339.661
Tăng trong năm	17.130.905.727	1.427.555.636	63.265.636	18.621.726.999
Trong đó:				
Mua mới	17.130.905.727	1.427.555.636	63.265.636	18.621.726.999
Phân loại lại	(39.477.546)	14.980.000	24.497.546	-
Giảm trong năm	-	(10.000.000)	(67.399.772)	(77.399.772)
Trong đó:				
Thanh lý, nhượng bán	-	(10.000.000)	(67.399.772)	(77.399.772)
Số dư cuối năm	22.192.562.064	3.871.761.699	610.343.125	26.674.666.888
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	1.471.334.833	267.637.059	91.925.889	1.830.897.781
Tăng trong năm	2.843.133.324	644.651.459	202.736.321	3.690.521.104
Phân loại lại	(136.484.549)	86.081.209	50.403.340	-
Giảm trong năm	-	(1.120.073)	(32.148.021)	(33.268.094)
Trong đó:				
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.120.073)	(32.148.021)	(33.268.094)
Số dư cuối năm	4.177.983.608	997.249.654	312.917.529	5.488.150.791
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	3.629.799.050	2.171.589.004	498.053.826	6.299.441.880
Số dư cuối năm	18.014.578.456	2.874.512.045	297.425.596	21.186.516.097

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



10. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	11.000.000	11.000.000
Tăng trong năm	38.000.000	38.000.000
Số dư cuối năm	49.000.000	49.000.000
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	1.604.167	1.604.167
Khấu hao trong năm	6.708.339	6.708.339
Số dư cuối năm	8.312.506	8.312.506
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	9.395.833	9.395.833
Số dư cuối năm	40.687.494	40.687.494

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển sang tài sản	Số dư cuối năm
Sửa chữa máy móc thiết bị	1.552.532.042	497.675.000	-	2.050.207.042
	1.552.532.042	497.675.000	-	2.050.207.042

12. Đầu tư dài hạn khác

31.12.2010			
Nội dung	Ghi chú	Số lượng	Giá trị đầu tư
Góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Cavico Khoáng Sản và Công nghiệp	HNX	219.110	2.191.100.000
		219.110	2.191.100.000

13. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	271.402.514	7.439.072.788	(4.354.613.222)	3.355.862.080
	271.402.514	7.439.072.788	(4.354.613.222)	3.355.862.080
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	-	4.381.767.622	(4.381.767.622)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.556.142.777	3.088.065.518	(2.642.939.549)	3.001.268.746
Thuế xuất nhập khẩu	20.265.442	1.460.000	(1.460.000)	20.265.442
Thuế thu nhập cá nhân	368.932.641	1.527.836.697	(246.508.089)	1.650.261.249
Thuế môn bài	-	2.000.000	(2.000.000)	-
	2.945.340.860	9.001.129.837	(7.274.675.260)	4.671.795.437

13.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng dịch vụ như sau:

Dịch vụ	Thuế suất
Doanh thu xây lắp	10%
Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị	10%
Bán vật tư	10%
Xuất khẩu lao động	0%

13.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

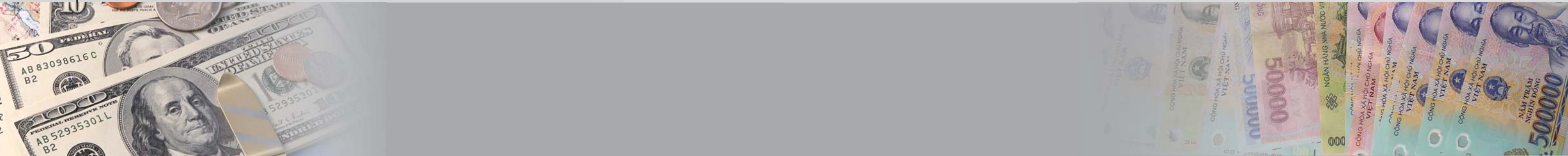
Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



Nội dung	2010	2009
Lợi nhuận thuần trước thuế	12.802.885.994	7.481.750.110
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	(450.623.922)	(78.317.159)
- Chênh lệch do đánh giá lại tỷ giá	(275.335.922)	(78.317.159)
- Cổ tức được chia	(175.288.000)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	12.352.262.072	7.403.432.951
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	12.352.262.072	7.403.432.951
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	3.088.065.518	1.850.858.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	2.556.142.777	1.296.327.807
Điều chỉnh do ưu đãi thuế	-	(555.257.471)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(2.642.939.549)	(35.785.797)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	3.001.268.746	2.556.142.777

13.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

14. Tài sản dài hạn khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Ký cược, ký quỹ bảo lãnh	2.132.672.210	212.000.000
	2.132.672.210	212.000.000

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Phải trả nhân viên	577.455.115	708.709.827
Bảo hiểm xã hội	272.263.783	195.281.686
Bảo hiểm y tế	-	29.292.254
Bảo hiểm thất nghiệp	-	19.528.169
Kinh phí công đoàn	95.401.508	19.184.388
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	2.122.215.412	2.443.703.246
	3.067.335.818	3.415.699.570

16. Chi phí phải trả

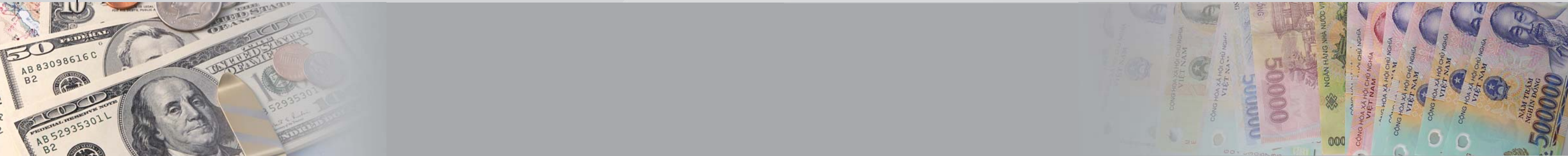
Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Chi phí thuê văn phòng	25.500.000	-
Chi phí vận chuyển	33.585.600	-
Chi phí thuê phụ tạm tính của Dự Án Sông Bạc	8.549.035.896	-
	8.608.121.496	-

17. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Vay và nợ ngắn hạn	25.859.962.642	8.219.784.557
Vay ngân hàng	25.859.962.642	8.219.784.557
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	754.355.500	754.350.000
Vay ngân hàng	754.355.500	754.350.000
Vay và nợ dài hạn	366.058.167	1.120.406.167
Vay ngân hàng	366.058.167	1.120.406.167
	26.980.376.309	10.094.540.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



18. Vốn chủ sở hữu

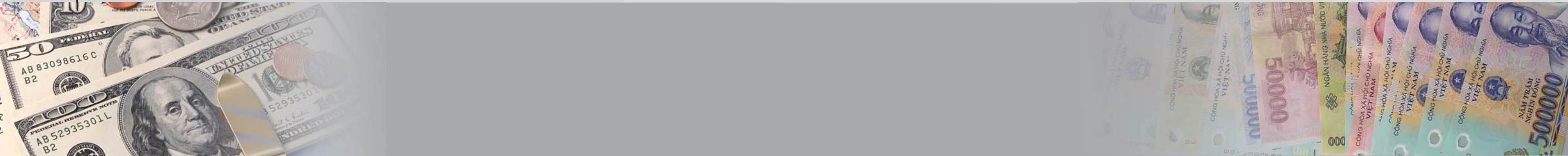
18.1 Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lãi lũy kế	Tổng cộng
Số dư 1.1.2009	6.000.000.000	-	-	3.983.721.735	9.983.721.735
Tăng vốn trong năm	2.560.700.000	-	-		2.560.700.000
Bổ sung vốn từ lợi nhuận	1.439.300.000	-	-	(1.439.300.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	6.186.149.343	6.186.149.343
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	(1.500.000.000)	(1.500.000.000)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
Trích các quỹ từ lợi nhuận	-	391.905.047	267.078.768	(1.044.421.735)	(385.437.920)
Số dư 31.12.2009	10.000.000.000	391.905.047	267.078.768	3.686.149.343	14.345.133.158
Tăng vốn trong năm	15.000.000.000	-	-	-	15.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.714.820.476	9.714.820.476
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
Số dư 31.12.2010	25.000.000.000	391.905.047	267.078.768	6.900.969.819	32.559.953.634

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (% năm)	Hình thức đảm bảo	Số dư 31.12.2010
Vay ngắn hạn					26.614.318.142
Vay ngân hàng					25.859.962.642
NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt (VND)	6	6 tháng cho 1 lần nhận nợ	12% - 16%	Bảo lãnh	6.111.993.442
NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt (USD)	6	6 tháng cho 1 lần nhận nợ	6 % - 6.5%	Quyền đòi nợ	19.747.969.200
Vay dài hạn đến hạn trả					754.355.500
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	36	14/7/2012	12%	Tín chấp	304.859.500
- NH Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - CN Đống Đa	36	10/3/2012	12%	Tài sản hình thành từ vốn vay	449.496.000
Vay và nợ dài hạn					366.058.167
Vay ngân hàng					
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hoàng Quốc Việt	36	14/7/2012	12%	Tín chấp	228.631.500
- NH Thương mại Cổ phần Đông Nam Á - CN Đống Đa	36	14/7/2012	12%	Tài sản hình thành từ vốn vay	137.426.667
					26.980.376.309

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



18.2 Chi tiết vốn chủ sở hữu

Cổ đông	Vốn cổ phần thường	
	31.12.2010	31.12.2009
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	5.135.000.000	3.950.000.000
Nguyễn Đức Phong	719.870.000	685.670.000
Kim Ngọc Nhân	569.730.000	517.630.000
Đặng Minh Toàn	460.400.000	422.000.000
Phạm Minh Phúc	865.430.000	813.330.000
Cổ đông khác	17.249.570.000	3.611.370.000
Tổng cộng	25.000.000.000	10.000.000.000

18.3 Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2010	2009
Vốn cổ phần đầu năm	10.000.000.000	6.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	15.000.000.000	4.000.000.000
Vốn cổ phần cuối năm	25.000.000.000	10.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	6.500.000.000	5.439.300.000

18.4 Cổ phiếu

Nội dung	31.12.2010	31.12.2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.500.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.500.000	1.000.000
Cổ phiếu thường	2.500.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.500.000	1.000.000
Cổ phiếu thường	2.500.000	1.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Doanh thu

Nội dung	2010	2009
Doanh thu xuất khẩu lao động	106.105.462.898	93.141.648.338
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	21.819.243.529	14.124.727.398
Doanh thu hoạt động khác	17.377.110.494	2.624.071.391
	145.301.816.921	109.890.447.127

20. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2010	2009
Giá vốn của dịch vụ xuất khẩu lao động	80.520.318.412	73.260.260.723
Giá vốn các công trình xây dựng	24.201.824.301	16.755.189.487
Giá vốn hoạt động khác	15.351.119.482	1.909.334.309
	120.073.262.195	91.924.784.519

21. Doanh thu hoạt động tài chính

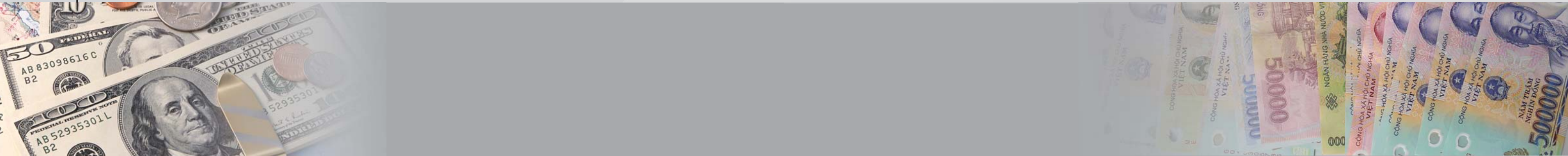
Nội dung	2010	2009
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.836.164.281	196.322.437
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	486.551.528
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	480.679.892	78.317.159
Cổ tức năm 2008 và 2009 được chia	175.288.000	-
Lãi chậm thanh toán	608.994.920	-
	3.101.127.093	761.191.124

22. Chi phí tài chính

Nội dung	2010	2009
Lãi tiền vay	707.257.727	114.704.883
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	150.000.000	16.300.000
Chi phí tài chính khác	48.222.000	-
	905.479.727	131.004.883

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



23. Chi phí bán hàng

Nội dung	2010	2009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.151.004.003	2.968.193.778
Chi phí khác	591.043.834	39.428.571
	4.742.047.837	3.007.622.349

24. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2010	2009
Chi phí nhân viên quản lý	3.756.908.855	2.952.400.910
Chi phí đồ dùng văn phòng	362.083.912	421.098.661
Chi phí khấu hao và phân bổ	541.497.708	321.208.393
Thuế,phí và lệ phí	253.307.147	85.747.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.799.082.214	3.265.089.103
Chi phí khác	404.508.352	1.230.492.795
	10.117.388.188	8.276.037.504

25. Thu nhập khác

Nội dung	2010	2009
Thanh lý tài sản cố định	108.756.318	7.300.000
Thu cước vận chuyển máy móc, thiết bị	320.948.364	-
Phụ phí xăng dầu	58.126.286	-
Thu nhập khác	65.767.382	166.197.897
	553.598.350	173.497.897

26. Chi phí khác

Nội dung	2010	2009
Giá trị còn lại của tài sản cố định	55.146.124	-
Chi phí vận chuyển	207.666.345	-
Chi phí xăng dầu	51.470.674	-
Chi phí khác	1.195.280	3.936.783
	315.478.423	3.936.783

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	2010	2009
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	9.714.820.476	6.186.149.343
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	9.714.820.476	6.186.149.343
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	1.000.000	600.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	515.630	253.045
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	1.515.630	853.045
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.410	7.252

28. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

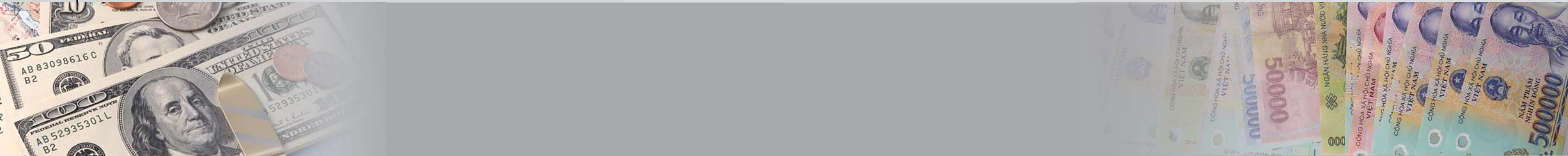
28.1 Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị	
			2010	2009
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	Công ty liên kết	Doanh thu xuất khẩu lao động	-	20.440.298.417
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	9.539.829.875	12.487.237.778
		Doanh thu thương mại	-	2.053.097.142
		Cho vay ngắn hạn	1.800.000.000	10.210.000.000
		Mua nguyên vật liệu	-	(498.366.335)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy Điện	Công ty liên kết	Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	653.277.120
		Thuê máy móc thiết bị	-	(531.142.592)
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Doanh thu bán vật tư	11.956.989.924	-
		Doanh thu cho thuê nhà xưởng	3.948.671.892	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	2.918.905.922	7.800.000.000
		Chi phí thương hiệu	(289.318.774)	801.462.394

Công ty bán hàng cho các bên liên quan theo mức giá bán niêm yết thông thường. Công ty mua hàng từ các bên liên quan theo mức giá trên thị trường được chiết khấu tùy theo khối lượng hàng mua và mối quan hệ giữa các bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010



Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			Giá trị phải thu (phải trả)	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	31.12.2010	31.12.2009
Phải thu khách hàng				
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	Công ty liên kết	Kinh doanh thương mại, xuất khẩu, xây dựng	5.160.941.977	4.642.322.595
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Bán vật tư, máy móc, cho thuê nhà xưởng	9.069.031.190	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy Điện	Công ty liên kết	Bán hàng	300.318.940	270.567.760
Phải thu khác				
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	6.218.905.922	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	3.946.507.084	-
Đầu tư ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	1.404.022.362	2.950.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực và Tài nguyên	Công ty liên kết	Cho vay ngắn hạn	17.275.538.506	-
Phải trả người bán				
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty liên kết	Chi phí thương hiệu	(1.090.781.168)	(801.462.394)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm	Công ty liên kết	Phí Angieri	(3.183.118.200)	(1.364.642.895)

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm cuối kỳ không cần đảm bảo, không có lãi và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty.

28.2 Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

Nội dung	2010	2009
Lương và thưởng	1.060.336.161	552.705.000
	1.060.336.161	552.705.000

29. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm kết thúc cùng ngày được phê chuẩn để phát hành ngày 21 tháng 2 năm 2011.

KIM NGOC NHAN
Giám đốc

ĐINH THỊ THÙY
Kế toán trưởng

Các công ty có liên quan

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty (không có)
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ
- Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan (không có)



Ông Dương Ngọc Trường
Giám đốc công ty TNHH CMS
Thăng Long

Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ

Nhằm thúc đẩy phát triển mô hình cung ứng nhân lực trong nước và đào tạo tay nghề cho lao động chuẩn bị cho các hợp đồng cung ứng nhân lực tại nước ngoài của Công ty ngày 14/02/2011, Công ty CP Cavico xây dựng Nhân lực và dịch vụ đã thành lập công ty với 100% vốn CavicoCMS.

Công ty TNHH CMS Thăng Long

Mã số thuế 0105156759

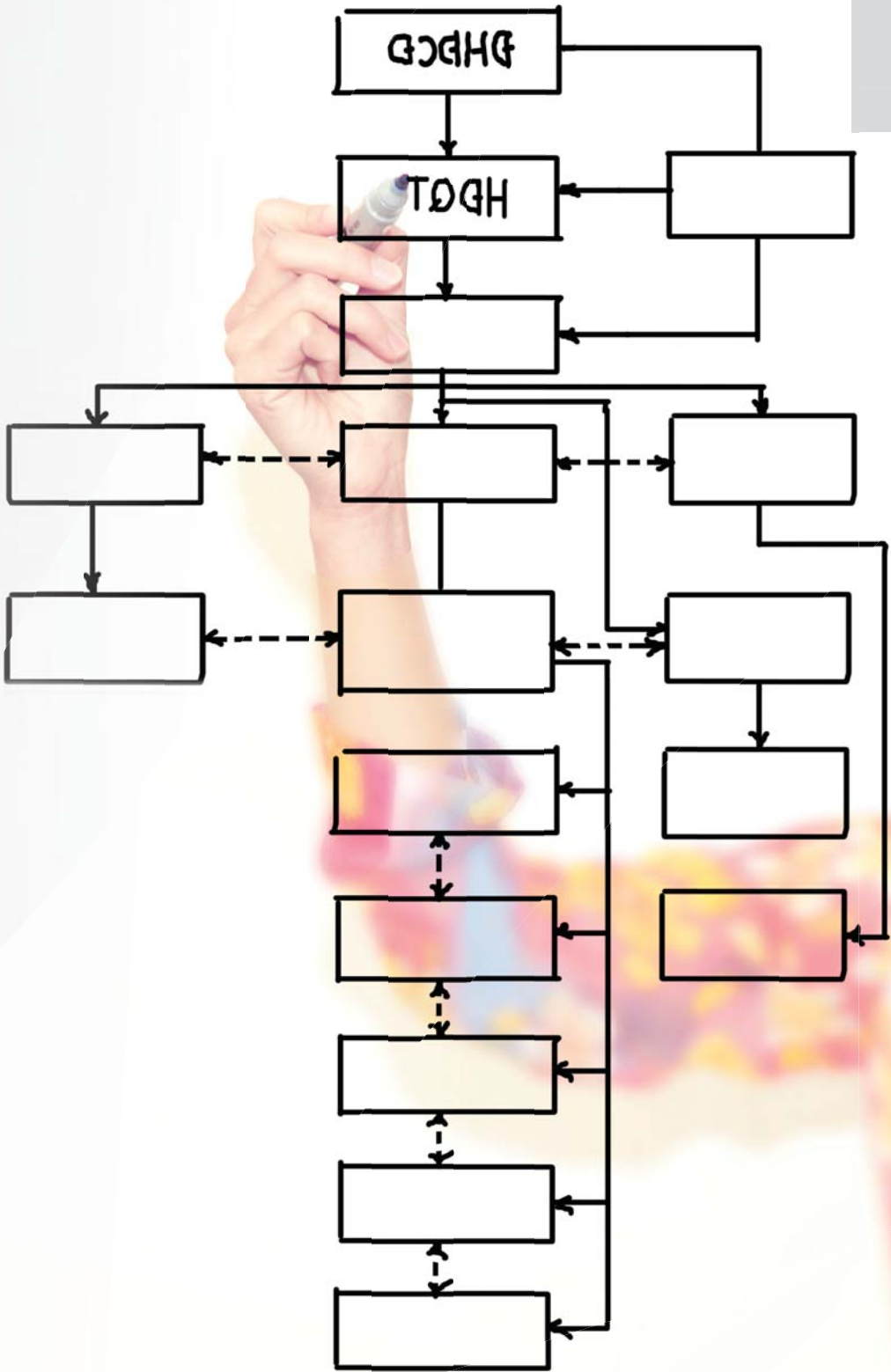
Trụ sở : Tầng 1, số 5 khu A, ngõ Tuổi Trẻ, đường Hoàng Quốc Việt, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước
- Xây dựng công trình dân dụng: đường sắt, đường bộ, công trình công ích;
- Xây dựng nhà các loại

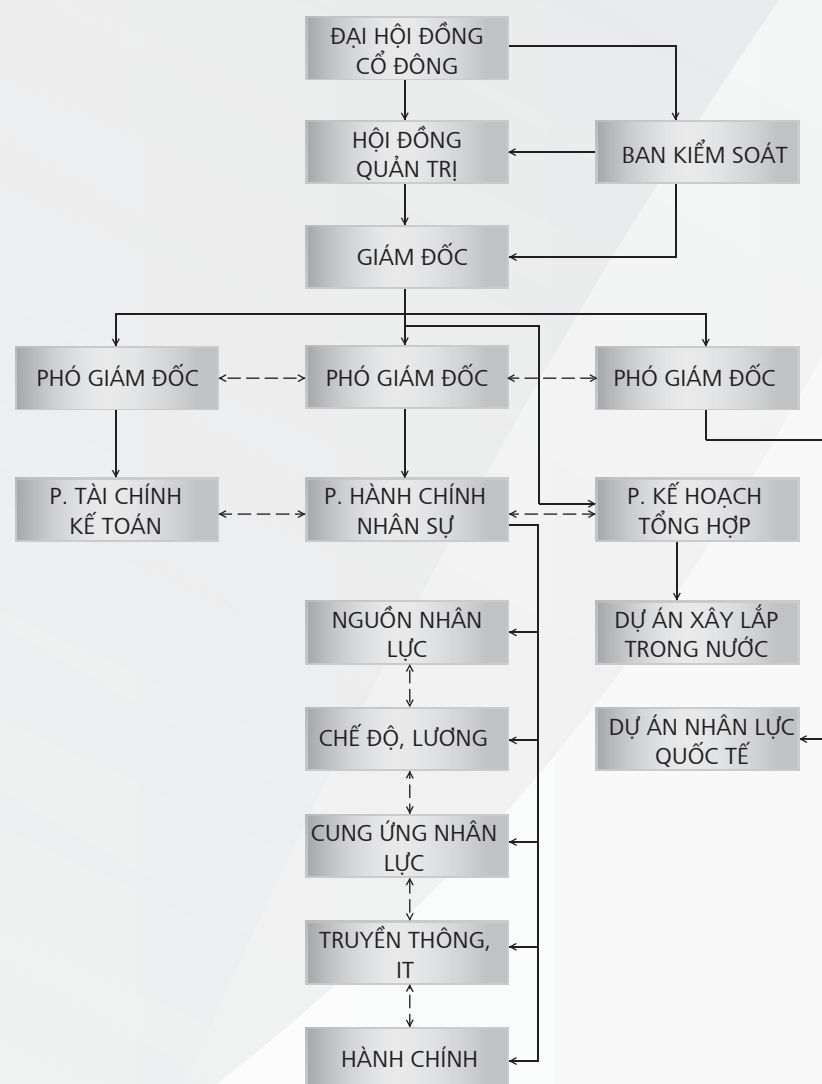
Vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng)

■ Cơ cấu tổ chức của công ty	68
■ Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành	69
■ Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm(Không có)	73
■ Quyền lợi của Ban Giám đốc	73
(Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc.)	
■ Tổng quản về nhân sự	73





Cơ cấu tổ chức của công ty



Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm giám đốc điều hành;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc

Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các phòng ban chức năng

- Phòng Hành chính nhân sự

- + Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác quản trị nguồn nhân lực; công tác quản trị hành chính, văn phòng; Thực hiện nhiệm vụ quản trị hành chính và quản trị nhân sự.
- + Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong việc cung ứng nguồn lao động cho các thị trường trong và ngoài nước cùng với các nhiệm vụ môi giới cung ứng nhân lực;
- + Chủ trì trong công tác lập kế hoạch kinh doanh trong lĩnh vực cung ứng nhân lực trong nước và quốc tế, cung ứng nhân lực và môi giới cung ứng nhân lực;
- + Tìm kiếm thị trường, mở rộng cung ứng nhân lực trên thị trường đã có;
- + Tìm kiếm các nguồn cung ứng nhân lực phù hợp với từng loại hợp đồng, thị trường: Liên hệ với các cơ sở đào tạo, các trường nghề để tạo nguồn lao động cho các dự án trong nước và quốc tế;
- + Tổ chức tuyển dụng, đào tạo định hướng và đào tạo bổ sung nhằm đảm bảo chất lượng lao động đầu vào;
- + Lập hồ sơ và theo dõi các hồ sơ liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu lao động và cung ứng nhân lực;
- + Lập báo cáo định kỳ và báo cáo đột xuất liên quan đến lĩnh vực cung ứng nhân lực và xuất khẩu lao động;
- + Hoàn thiện thủ tục giấy tờ, khám sức khỏe cho người lao động tổ chức người ra sân bay, tổ chức đón lao động trong và ngoài nước;
- + Quản lý nguồn lao động ở nước ngoài, giải quyết tranh chấp xảy ra giữa người lao động và chủ dự án

sở tại và báo cáo các cơ quan chức năng cùng giải quyết.

- Phòng Tài chính - Kế toán

Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của công ty, tư vấn, tham mưu cho ban Giám đốc các chiến lược tài chính ngắn, trung hạn, dài hạn trên cơ sở các Dự án đang và sẽ triển khai; kiểm tra, giám sát tình hình, công tác tài chính kế toán để đảm bảo tuân thủ theo quy chế công ty và các quy định của Pháp luật.

Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực phản ánh đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trước lãnh đạo.

- Phòng kế hoạch tổng hợp:

Quản lý kế hoạch: Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất và kế hoạch SXKD của công ty, lập kế hoạch và kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch các công trường, quản lý công tác đầu thầu; Quản lý các thủ tục nghiệm thu, thanh toán, thanh quyết toán công trình: tạm ứng hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, giá trị phát sinh, bù giá, thanh quyết toán hợp đồng.

Quản lý kỹ thuật: Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn Công trường thực hiện đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật, các tiêu chuẩn và tuân thủ điều khoản chất lượng trong Hợp đồng kinh tế; Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kho học công nghệ mới trong công tác thi công để nâng cao chất lượng; Tiến độ và giảm giá thành sản phẩm.

Quản lý Thiết bị - Vật tư: Xây dựng quy chế quản lý thiết bị, các quy trình quản lý, quy trình và quy định trong vận hành và bảo dưỡng máy móc thiết bị; Giám sát việc thực hiện quy chế, quy trình, các quy định đã ban hành; Quản lý máy móc, thiết

bị thi công; Biên soạn tài liệu hướng dẫn, các quy định về thợ vận hành, tổ chức đào tạo thợ vận hành và thợ sửa chữa; Tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định; Xây dựng quy chế, quy trình và các quy định quản lý vật tư; Quản lý kế hoạch cung ứng vật tư cho công trường; Quản lý vật tư, thống kê nhập xuất tồn vật tư, bảo quản, kiểm kê kho vật tư; Tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng vật tư tại công trường; Quản lý hồ sơ thanh lý các vật tư.

Tổ chức chính trị

- + Chi bộ Đảng;
- + Công đoàn;
- + Đoàn thanh niên;
- + Hội cựu chiến binh.

- Các dự án trực thuộc

Ban chỉ huy công trường đại diện cho Công ty tại công trình, quan hệ với Chủ đầu tư, bên A, các đơn vị thi công khác, với cơ quan và chính quyền địa phương để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

Xây dựng kế hoạch SXKD trên cơ sở yêu cầu tiến độ, chất lượng xây dựng công trình đã được bên A hoặc Công ty duyệt;

Xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý điều hành theo quy định của Công ty, đảm bảo các bộ phận chuyên môn hoạt động hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu quản lý của Dự án và Công ty. Chỉ đạo, giám sát các bộ phận, các tổ đội thi công thực hiện đúng theo các quy chế, quy định quản lý hiện hành của Công ty, các quy định chung trên công trường;

Các bộ phận chức năng thực hiện theo quy chế quản lý ngành dọc, chịu sự điều hành trực tiếp của Ban chỉ huy đồng thời thực hiện chịu sự giám sát toàn diện của các phòng chức năng Công ty.



Hội đồng quản trị



Ông **Phạm Minh Phúc**
Chủ tịch HĐQT



Ông **Kim Ngọc Nhân**
Phó chủ tịch HĐQT
Giám đốc Công ty



Ông **Nguyễn Đức Phong**
Thành viên HĐQT



Ông **Chu Đình Thế**
Thành viên HĐQT



Ông **Đặng Minh Toàn**
Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát



Bà **Trương Kim Thanh**
Trưởng Ban kiểm soát



Ông **Tạ Đức Hải**
Thành viên Ban kiểm soát



Ông **Nguyễn Xuân Sơn**
Thành viên Ban kiểm soát



Ban giám đốc



Ông Kim Ngọc Nhân
Thành viên HĐQT
kiêm Giám đốc Công ty



Ông Đào Ngọc Quế
Phó Giám đốc



Ông Dương Ngọc Trường
Phó Giám đốc



Ông Đào Tiến Dương
Phó Giám đốc



Bà Đinh Thị Thủy
Kế toán trưởng

Thay đổi Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong năm: Không có

Quyền lợi của Ban Giám đốc

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc được hưởng theo quy chế công ty

Tổng quản về nhân sự

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 31/12/2010, công ty có tổng số là 472 người.

LOẠI LAO ĐỘNG	SỐ LƯỢNG (người)
Phân theo trình độ học vấn	
Từ đại học trở lên	03
Trình độ đại học, cao đẳng	42
Trình độ trung cấp	30
Công nhân kỹ thuật, vận hành	170
Lao động có tay nghề	227

Năm 2010, tổng quỹ lương trong năm của toàn công ty là 81,5 tỷ đồng, thu nhập bình quân đạt 11 triệu đồng/ người/ tháng.



Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc:

8h/ngày, 5,5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5 h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, CBNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản:

CBNV được nghỉ lễ và Tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBNV đã làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày/năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc. CBNV được nghỉ ốm 03 ngày (không liên tục) trong năm và được hưởng nguyên lương. Trong thời gian nghỉ thai sản, ngoài thời gian nghỉ 04 tháng với chế độ bảo hiểm theo đúng quy định còn được hưởng thêm 04 tháng lương cơ bản do Bảo hiểm xã hội chi trả.

Điều kiện làm việc:

Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBNV.

Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài:

Dựa vào nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc .v.v. Với chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBNV trẻ trung và năng động của Công ty luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm qua chính sách đào tạo của Công ty. Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cao kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập

huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ mới cho các cán bộ kỹ thuật. Chính sách tuyển dụng hợp lý, kết hợp với kế hoạch đào tạo và trau dồi thường xuyên cho CBNV đã góp phần giúp Công ty duy trì một nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo lợi thế cạnh tranh vững chắc để Công ty có thể tự tin mở rộng hơn nữa các hoạt động cung ứng nguồn nhân lực ra nước ngoài và đảm bảo cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chính sách lương của Công ty được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm, hệ số năng suất của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước, định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

Tổ chức đoàn thể, văn hóa công ty

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ đã gây dựng nên một nền văn hóa đặc thù, thực sự đã trở thành các giá trị truyền thống ăn sâu vào hoạt động của doanh nghiệp và chi phối tình cảm, nếp suy nghĩ cũng như hành vi của mọi thành viên của công ty trong việc theo đuổi và thực hiện mục đích “Nâng cao thương hiệu Cavico CMS”

CAVICO CMS - Chúng tôi là một gia đình:

Đến với Công ty, mọi thành viên đều cảm nhận được một không khí mới “không khí đầm ấm gia đình” và không khí đó được xây dựng trên nền tảng giá trị và niềm tin mạnh mẽ, từ những quy tắc ứng xử của những người trong nội bộ:

- Sự kính trọng: Tôn trọng cấp trên, tôn trọng người có nhiều cống hiến, tôn trọng tài năng.
- Sự thành thực: nói thật, không gian dối, cam kết thực hiện những gì mình hứa hẹn và đảm bảo đúng những gì mình sẽ thực hiện.
- Sự tự giác: sẵn sàng với công việc, không ngại khó khăn, làm việc hết mình vì lợi ích của tổ chức.

- Sự khôn khéo: biết nói những gì cần nói, hỏi những điều cần hỏi, tranh luận những điều đáng tranh luận và sắp xếp những gì hợp lý nhất.

- Sự bình đẳng: được cụ thể qua vấn đề thu nhập, trợ cấp dành cho CB-CNV, trong môi trường đào tạo nâng cao tay nghề và cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp.

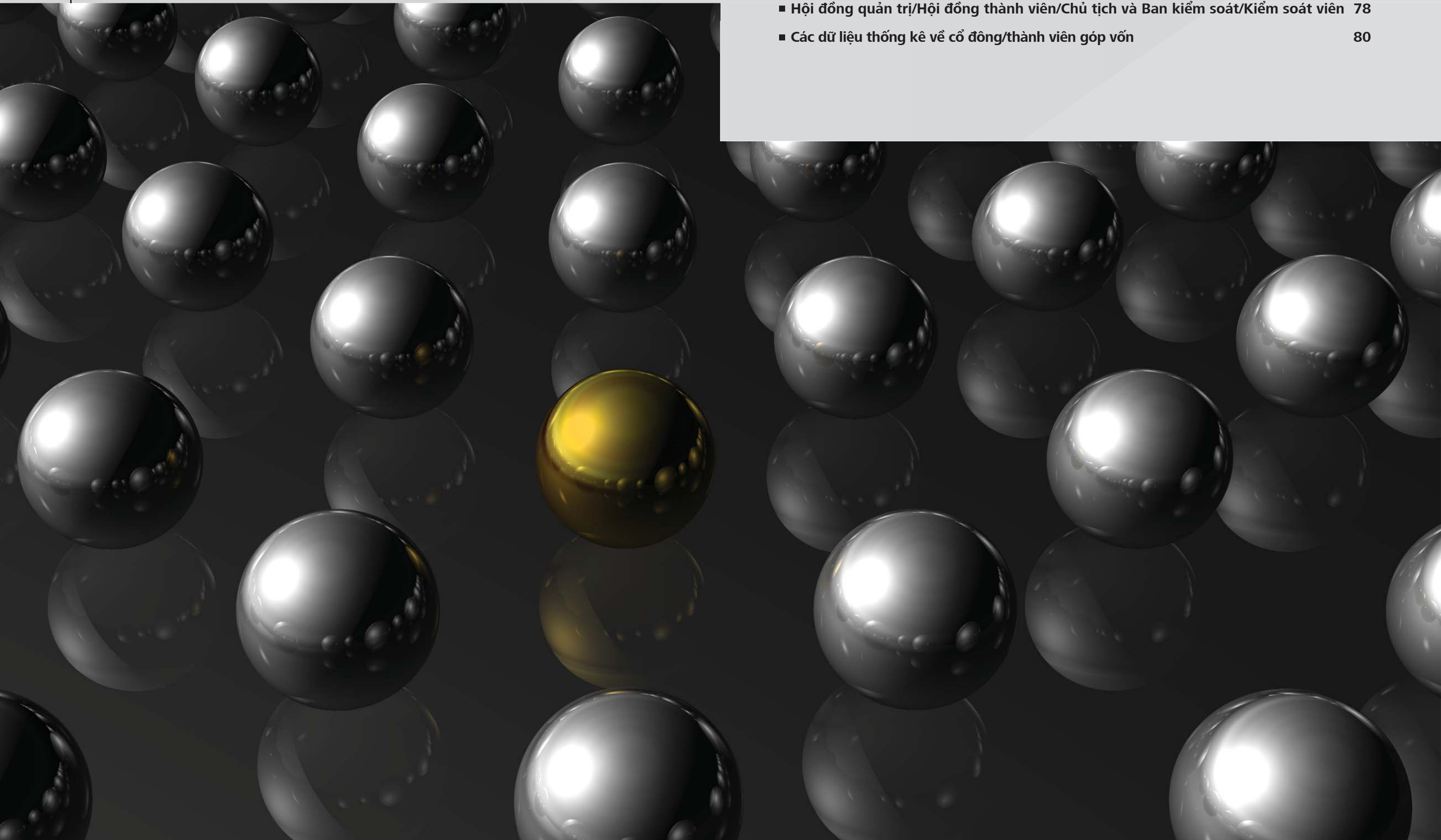
CAVICO CMS- Cùng làm việc và cống hiến nâng cao thương hiệu Công ty:

Công ty đã xây dựng được phong cách làm việc chuyên nghiệp và đó chính là một trong những điều kiện cần cho sự thành công của Công ty. Với phong cách làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả đã giúp công ty thu phục được niềm tin và gặt hái được nhiều thành quả hơn trong sản xuất kinh doanh. Đến với công ty đều tuân thủ:

- Thiết lập tác phong công nghiệp
- Phát triển khả năng độc lập và tự chủ trong công việc
- Không ngừng học hỏi và nâng cao kiến thức chuyên môn
- Ý thức trách nhiệm và tinh thần cầu tiến
- Giao tiếp hiệu quả
- Trang phục phù hợp

Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

- Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên 78
- Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn 80





Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:

a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT, Ban kiểm soát, thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Chủ tịch công ty.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %/Tổng CP
Hội đồng quản trị			777.923	31,11%
1	Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT	236.543	9,46%
2	Chu Đình Thế	Thành viên HĐQT	97.880	3,91%
3	Đặng Minh Toàn	Thành viên HĐQT	314.540	12,58%
4	Nguyễn Đức Phong	Thành viên HĐQT	71.987	2,88%
5	Kim Ngọc Nhân	Thành viên HĐQT	56.973	2,28%
Ban Kiểm soát			12.527	0,50%
1	Trương Kim Thanh	Trưởng Ban Kiểm soát	820	0,03%
2	Tạ Đức Hải	Thành viên BKS	3.670	0,15%
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên BKS	8.037	0,32%
Ban Giám đốc			97.480	3,90%
1	Kim Ngọc Nhân	Giám đốc	56.973	2,28%
2	Đào Ngọc Quế	Phó Giám đốc	18.915	0,76%
3	Dương Ngọc Trường	Phó Giám đốc	12.319	0,49%
4	Đào Tiến Dương	Phó Giám đốc	9.273	0,37%
Kế toán trưởng			7.800	0,31%
1	Đinh Thị Thủy	Kế toán trưởng	7.800	0,31%

b. Hoạt động của HĐQT/Hội đồng thành viên

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2010, hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời mang lại hiệu

quả kinh tế và sự phát triển bền vững cho Công ty.

- Thông qua kết quả SXKD năm 2009; thông qua việc chia cổ tức, trích lập các quỹ và thưởng cho các cán bộ Quản lý; thông qua kế hoạch SXKD và tỷ lệ chia cổ tức năm 2010; thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm

2010; thông qua việc tăng vốn điều lệ và niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) để trình Đại hội đồng cổ đông.

- Tiếp tục chỉ đạo xây dựng định hướng phát triển Công ty theo mô hình cung ứng Nhân lực: tại các dự án nước ngoài và các dự án trong nước.

- Điều chỉnh kế hoạch SXKD theo từng quý để đảm bảo việc thực hiện kế hoạch SXKD của năm.

- Bổ nhiệm thành viên HĐQT thay thế ông Nguyễn Văn Phi vì lý do chuyển Công tác.

- Bổ nhiệm phó Giám đốc phụ trách tài chính để kiện toàn bộ máy quản lý điều hành

- HĐQT đã tích cực chỉ đạo Ban điều hành trong việc đổi mới công tác quản trị, điều hành; cụ thể là: củng cố, sắp xếp lại bộ máy tổ chức trong Công ty (sáp nhập Trung tâm Cung ứng Nhân lực vào phòng hành chính nhân sự, giải thể Trung tâm thương mại...) cho phù hợp với mô hình phát triển của Công ty trong giai đoạn mới, tạo ra sự năng động trong việc chỉ đạo hoạt động SXKD; tìm kiếm, khai thác, mở rộng thêm nguồn công việc để góp phần gia tăng giá trị cho Công ty.

Trong năm 2010, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng và tổ chức thực hiện quản lý theo phương pháp mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và các Cổ đông.

c. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành (không có)

d. Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT/Hội đồng thành viên (không có)

e. Hoạt động của Ban kiểm soát/Kiểm soát viên

Hoạt động của BKS trong năm 2010

Trong năm 2010, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 5 cuộc họp, nội dung cuộc họp xoay quanh vấn đề kiểm tra, rà soát lại các số liệu báo cáo của Ban điều hành, các báo cáo tài chính, các quyết định của Ban điều hành, các quyết định của HĐQT và sổ sách kế toán theo định kỳ, tình hình tài chính, đầu tư, cơ sở thực hiện các kế hoạch, mục tiêu của HĐQT đã thông qua trong cuộc họp KHSXKD năm 2010. Đồng thời BKS cũng tham dự các cuộc họp HĐQT năm 2010. Trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá, kiến nghị cho HĐQT, Ban điều hành.

Nhìn chung, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đều thực hiện và tuân thủ theo Điều lệ và Quy chế của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ, những kiến nghị của Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị nghiêm túc xem xét và phúc đáp đầy đủ.

Kế hoạch triển khai công việc của BKS trong năm 2011

BKS sẽ tăng cường kiểm tra các báo cáo kế toán, tài chính của Công ty. Đồng thời tham ra các cuộc họp HĐQT để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác và đưa ra cảnh báo cáo vấn đề rủi ro tiềm ẩn.

BKS dự kiến sẽ tiến hành 01 cuộc họp mỗi quý để triển khai công tác kiểm tra, kiểm soát trong năm 2011 và dự kiến tham dự các cuộc họp HĐQT và họp giao ban quý của Ban điều hành với Công ty.

f. Kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Duy trì họp thường xuyên các cuộc họp của HĐQT trong năm nhằm chỉ đạo, giám sát chặt chẽ hơn các công tác sản xuất kinh doanh tại công ty, kịp thời đưa ra những quyết sách và chiến lược đúng đắn.

- Tổ chức các cuộc họp giữa các phòng ban, giữa lãnh đạo và nhân viên để có thể tháo gỡ những khúc mắc, cùng đưa ra những ý kiến đóng góp tốt nhất cho công ty, tăng cường hiệu quả công tác quản lý cho ban lãnh đạo.

- Áp dụng công nghệ hiện đại nhất vào công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị cũng như Ban điều hành công ty: Sử dụng máy tính và các phần mềm chuyên dụng, camera, các thiết bị viễn thông hiện đại...

- Cải tiến liên tục các quy chế công ty cho phù hợp với tiến trình phát triển của ngành và đất nước.

- Huấn luyện, đào tạo bài bản cho cán bộ quản lý và công nhân tay nghề cao nhằm nâng cao chất lượng cho CBCNV.

g. **Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và thành viên Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành. Giá trị các khoản thù lao và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể.**

- Chủ tịch HĐQT: 17 triệu đồng/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT: 8 triệu đồng/tháng

- Ủy viên HĐQT: 2 triệu đồng/tháng
- Trưởng BKS: 2 triệu đồng/tháng
- Ủy viên BKS: 1 triệu đồng/tháng
- Thư ký HĐQT: 2 triệu đồng/tháng

uyết toán tổng mức thù lao năm 2010 là: 444.000.000 đồng/năm

Năm 2010: thưởng cho toàn bộ khối quản lý: HĐQT, Ban GD, các trưởng phòng ban, QLDA là 1 tỷ đồng.

h. **Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty**

100% thành viên HĐQT, ban kiểm soát, Ban giám đốc đã có chứng chỉ.

i. **Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên:**
Không thay đổi.

k. **Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.**

STT	Họ tên người có liên quan	Họ tên thành viên chủ chốt	Chức vụ của thành viên chủ chốt	SLCP ban đầu	SLCP đã giao dịch	SLCP còn lại	Thời gian giao dịch
1	Dương Thị Ngọc	Dương Ngọc Trường (Em gái)	Phó giám đốc	4.000	500	3.500	07/12/2010
2	Đào Thị Thanh Nga	Đào Ngọc Quế (Em gái)	Phó giám đốc	2.000	2.000	0	Từ 25/02/2011 đến 25/04/2011

Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

Cổng đông/thành viên góp vốn Nhà nước: Không có

Cổ đông/thành viên góp vốn sáng lập

Cơ cấu cổ đông đến ngày 11/03/2010

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	131	2.500.000	25.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	2	512.524	5.125.240	20,5%
2	Cổ đông cá nhân	129	1.987.476	19.874.760	79,5%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0
	Tổng cộng	131	2.500.000	25.000.000	100%



Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên sáng lập

Tên cổ đông	Địa chỉ	Người đại diện	Số CMND/ĐKKD	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ/VĐL
CTCP Cavico Xây dựng Cầu hầm	Tầng 4, ĐN1, CT4, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	Đặng Minh Toàn		268.500	2.685.000	20,54%
		Chu Đình Thế		95.000	950.000	
		Phạm Minh Phúc		150.000	1.500.000	
Kim Ngọc Nhân	32/1A, Quang Trung, phường 12, quận Gò Vấp, Tp.HCM		024572465	56.973	569.730	2,28%
Đào Ngọc Quế	Thụy Lâm, Đông Anh, Hà Nội		012177959	18.915	189.150	0,76%
TỔNG CỘNG				589.388	5.893.880	23,58%

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Tên cổ đông	Địa chỉ	Người đại diện	Số CMND/ ĐKKD	Số cổ phần	Giá trị (nghìn đồng)	Tỷ lệ/VĐL
CTCP Cavico Xây dựng Cầu hầm	Tầng 4, ĐN1,CT4, Mỹ Đình, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội	Đặng Minh Toàn		268.500	2.685.000	20,54%
		Chu Đình Thế		95.000	950.000	
		Phạm Minh Phúc		150.000	1.500.000	
TỔNG CỘNG				513.500	5.135.000	20,54%

Cổ đông/thành viên góp vốn nước ngoài
Không có cổ đông nước ngoài lớn.

Trách nhiệm với cộng đồng xã hội

Xuất khẩu lao động là một chủ trương của Nhà nước, nhằm xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm ổn định đời sống cho nhân dân góp phần cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Đây cũng là vấn đề được cả xã hội quan tâm. Trong những năm trở lại đây, bình quân mỗi năm cả nước có khoảng gần 100.000 người đi xuất khẩu lao động. Tuy nhiên, tiềm năng lao động của Việt Nam còn rất dồi dào.

Trong điều kiện trên, Công ty đề ra mục tiêu mỗi năm xuất khẩu lao động theo phương thức xuất khẩu lao động truyền thống khoảng 200 lao động và duy trì cung ứng lao động có tay nghề cho các nhà thầu thi công tại nước ngoài khoảng 300 - 500 người. Hiện Công ty đang tiến hành đàm phán với các nhà thầu Hàn Quốc, Malaysia, Ấn Độ... để đưa khoảng 500 lao động sang các thị trường trên. Đồng thời, Công ty tăng cường tìm kiếm, ký kết các hợp đồng xây lắp trong nước để tăng khả năng đào tạo tay nghề cho công nhân phục vụ xuất khẩu lao động.

Yếu tố đầu vào đối với hoạt động cung ứng nguồn nhân lực chính là con người. Trong thời gian qua, Công ty đã được Cục Quản lý lao động ngoài nước lựa chọn là đơn vị thí điểm đưa lao động huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo nội dung Quyết định số 71/2009/QĐ-TT ngày 29/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Công ty đã triển khai tuyển chọn được hơn 500 lao động trong đó có một số lao động thuộc các huyện nghèo của tỉnh Yên Bái. Hiện nay công ty đã đưa được 25 lao động (người dân tộc Mông) sang

làm việc tại Algeria. Với những kết quả trên Bộ lao động Thương binh & Xã hội, Cục Quản lý lao động ngoài nước đánh giá Công ty là doanh nghiệp xuất khẩu lao động có uy tín trong hoạt động đưa người nghèo đi lao động xuất khẩu theo chương trình của chính Phủ.

Mặt khác, do hoạt động cung ứng lao động chủ yếu tập trung vào lĩnh vực thi công xây dựng đặc thù: các công trình ngầm, các công trình có địa hình phức tạp, điều kiện khắc nghiệt, nên Công ty rất chú trọng đến chất lượng lao động đầu vào. Công ty đã ký kết hợp đồng với một số trường nghề và tham gia tuyển dụng lao động tại hội chợ việc làm và các trường đại học, cao đẳng nghề. Đồng thời, Công ty cũng mời đội ngũ giáo viên có kinh nghiệm tại các trường nghề để dạy bổ túc tay nghề và xét thi đánh giá lại bậc thợ cho đội ngũ công nhân sau một thời gian làm việc tại Công ty. Chính vì vậy mà chất lượng lao động của Công ty luôn được đảm bảo, được các đối tác trong và ngoài nước đánh giá cao.



cavico.
Construction
Manpower & Services

Trụ sở chính : Số 5, khu A, TT Báo sinh viên, Ngõ Tuổi Trẻ, Hoàng Quốc Việt, Hà Nội.

Điện thoại : (84-4) 62690742/43

Fax : (84-4) 62690741

Email : info@cavicocms.com

Website: : www.cavicocms.com